PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

C. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC NHẬP KHẨU

(Tiếp theo Công báo số 271 + 272)

MALAYSIA

1. Công ty Y.S.P Industries (M) SDN. BHD

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Chemix Powder 50%	Flumequine	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Điều trị các bệnh do nhiễm Coryza, E.coli và Pullorum	Malaysia	YSPM-1
2	Amoxicillin Soluble Powder	Amoxicillin trihydrate	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Điều trị bệnh do nhiễm E. coli, thương hàn, viêm màng não	Malaysia	YSPM-2

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
3	Kwaibo-007	Vit. A, Vit. D_3, Vit. E, Thiamine, Riboflavin, Pyridoxine, Nicatinamide, Vit. B_{12}, Vit. C, Vit. H, d-Ca, Folic acid	Gói, Bao	10; 50; 100; 1; 20kg	Thúc đẩy tăng trưởng, bổ sung vitamin, chống stress, suy yếu, dinh dưỡng kém	Malaysia	YSPM-3
4	Conquer Powder	Mebendazole	Gói, Bao	12; 50; 60; 100; 120; 600g, 1; 20kg	Điều trị nhiễm giun sán	Malaysia	YSPM-4
5	Ribu Powder	Ronidazole	Gói, Bao	100g, 1kg	Điều trị bệnh lỵ ở heo con	Malaysia	YSPM-5
6	Licofat - 44 Powder	Lincomycin Streptomycin	Gói, Bao	50; 100; 500g, 1; 20kg	Phòng ngừa và điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(+), Gr(-)	Malaysia	YSPM-6
7	Clon Powder	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Kích thích tăng trưởng, phòng ngừa và kiểm soát bệnh lỵ	Malaysia	YSPM-7
8	Trixine Powder	Sulfadimethoxine Trimethoprim	Gói, Bao	10; 50; 100; 500g, 20kg	Điều trị bệnh Coryza, viêm phế quản, tiêu chảy	Malaysia	YSPM-8
9	Doxy 10% Powder	Doxycycline	Gói, Bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Kiểm soát biến chứng của viêm phế quản mãn tính	Malaysia	YSPM-9

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
10	OTC-20 Premix powder	Oxytetracycline HCl	Gói, Bao	10; 50; 100; 500g, 1; 10; 20kg	Trị viêm ruột, thương hàn, Coryza, bệnh phổi mãn tính	Malaysia	YSPM-10
11	Lincomycin-300 Inj	Lincomycin HCl	Lọ	100ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(+), viêm phổi, viêm phế quản, viêm màng não	Taiwan	YSPM-12
12	Amoxicillin Inj	Amoxicillin trihydrate	Lọ	100ml	Điều trị bệnh do E. coli, thương hàn, viêm màng não	Taiwan	YSPM-13
13	Dexon Inj	Dexamethasone-21 phosphate sodium	Lọ	100ml	Điều trị dị ứng, chàm, bỏng, phù, viêm da, viêm khớp cấp, vú cấp, và viêm phổi	Taiwan	YSPM-14
14	Shincort Inj	Triamcinolone acetonide	Lọ	100ml	Điều trị viêm khớp, viêm da, viêm phổi và viêm phế quản	Taiwan	YSPM-15
15	Heromin B_{12} Inj	Cyanocobalamin, D-Panthenol, Dextrose	Lọ	100ml	Phòng trị chứng thiếu máu, dinh dưỡng kém, rối loạn chuyển hóa	Taiwan	YSPM-18
16	Enlin - 22 Inj	Sulfamonome-thoxine, Trimethoprim, Dexamethasone	Lọ	100ml	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm thanh quản, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm vú...	Taiwan	YSPM-19

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
17	Coughlin Inj	Sulpyrine, Dl-Methyl Ephedrine	Lọ	100ml	Điều trị viêm phổi lợn	Taiwan	YSPM-21
18	Sulpyrine 25% Inj	Sylpyrine	Lọ	100ml	Điều trị sốt ở lợn	Taiwan	YSPM-22
19	Tylosin Water soluble powder	Tylosin tartrate	Gói, Bao	7,5; 15; 50; 75; 100; 150; 500g, 1kg	Điều trị ỉy, viêm phổi, viêm vú, và sốt do chuyên chở	Malaysia	YSPM-23
20	Ironwon Solution	Iron dextran, Colistin, Tylosin base	Chai	100, 200, 500ml; 1lít	Điều trị thiếu máu và tiêu chảy ở heo mới sinh	Malaysia	YSPM-25
21	Cefadroxil	Cefadroxil	Gói, bao	10;20;50;100;500g 1kg; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra	Malaysia	YSPM-28
22	Lemison	Levamisole hydrochloride	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh do giun đũa, giun lươn, giun tròn, giun móc, sán lá và sán giây	Malaysia	YSPM-29
23	Amoxicillin 50% Soluble Powder	Amoxycilline	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phế quản, nhiễm trùng máu trên heo, gà	Malaysia	YSPM-30
24	Erythromycin-164	Erythromycin	Gói	10; 20; 50; 100, 150,500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, viêm màng hoạt dịch, dịch tả, viêm khớp trên gà	Malaysia	YSPM-31

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
25	Canbisu	Ivermectin	Túi, Bao	100; 333g	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	Malaysia	YSPM-32
26	Amoxicillin 50% Premix Powder	Amoxicillin	Túi, Bao	100g; 10kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên gia cầm	Malaysia	YSPM-33
27	Sultrim powder	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, Bao	100g; 20kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt	Malaysia	YSPM-34
28	Sultrim Suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	1l	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt	Malaysia	YSPM-35
29	Poly-E	Colistin sulfate	Túi, Bao	100g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-36
30	Doxy 50% Powder	Doxycyclin	Túi, Bao	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hồ hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-37
31	Q-Lulan Water Solution Powder	Sulfachloropyrazine	Túi	180g	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn Salmonella, E.coli trên gia cầm	Malaysia	YSPM-38

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
32	Amoxicillin 20% soluble powder	Amoxicillin	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-39
33	Fluro oral solution	Norfloxacin	Chai	1l	Trị Colibacillosis, CRD, Salmonellosis, Staphylo-coccus trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-40
34	Florcol Oral solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-42
35	Neosun soluble powder	Neomycin sulfate	Túi, Bao	100; 500g	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-43
36	Cephan 50 powder	Cephalexin	Túi, Bao	100g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-44
37	Yucomy	Nystatin	Túi, Bao	100g; 20kg	Phòng và trị nấm trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-45
38	Sulfolan powder	Sulfamethazine, Tylosin tartrate	Túi, Bao	100g; 1; 20kg	Trị ly, viêm phổi, viêm mũi trên heo	Malaysia	YSPM-46
39	Sulfarim powder	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Túi, Bao	100g; 20kg	Trị viêm phế quản, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gà, vịt	Malaysia	YSPM-48

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
40	Rican premix powder	Colistin sulfate	Túi, Bao	100g; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên heo, gia cầm	Malaysia	YSPM-49
41	Licofat-220 Powder	Licomycin, Spectinomycin	Túi, Bao	100g; 1; 10kg	Trị ly, viêm phổi trên heo	Malaysia	YSPM-50
42	Enflosin Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	1l	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, Salmonella, CRD, CCRD, Tụ huyết trùng trên gia cầm	Malaysia	YSPM-51

2. Công ty Phibro Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	TM 200	Oxytetracyclin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	E-coli, thương hàn, viêm phổi, THT	PBAM-01
2	Coxistac 12%	Salinomycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Phòng bệnh cầu trùng	PBAM-02
3	Stafac 50	Virginamycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Kích thích tăng trọng, phòng tiêu chảy	PBAM-03
4	Stafac 500	Virginamycin	Bao	100g; 1; 10; 20; 25kg	Kích thích tăng trọng, phòng tiêu chảy	PBAM-04

3. Công ty Sunzen (Corp.) SDN BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sunz-Lyte	Vitamin A, D_3, E, C, B_2, B_6, B_{12}, Potassium Sodium	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm	SZS-1
2	Sunz-Vit	Vitamin A, B_2, B_3, B_6, B_{12}, B_1, C, E, K_3, PP	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm	SZS-2
3	Pfilyte	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, B_1, D_3, E, K_3, Potassium, Sodium, Carbonate	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và điện giải cho gia súc, gia cầm	SZS-3
4	Vitastress	Vitamin A, B_2, B_3, B_{12}, B_6, C, D_3, K_3, E, PP	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin cho gia súc, gia cầm	SZS-4
5	Pfactor 002	Vitamin A, B_2, B_6, B_{12}, B_1, C, D_3, E, K_3, PP, Biotin, khoáng Mn, Zn, Iron, Cu, Co, I, Se	Gói, bao	100, 200, 500g 1, 2, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	SZS-5

4. Công ty Nova Lab SHD.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enrovet 10% Oral solution	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị CCRD, C.R.D, Colibacillosis, Salmonellosis (thương hàn), dịch tả, sưng phù đầu (Coryza) trên gia cầm	NOVA-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Toltravet 2.5% Oral Solution	Toltrazuril	Chai	100; 200; 250; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gà do Eimeria acervulina, E. brunetti, E. maxima, E. necatrix, E. tenella, E. Mitis	NOVA-2
3	Novamox-G Injectable Oily Suspension	Amoxycillin, Gentamicin	Chai	100ml	Trị tiêu hóa - ruột, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng rốn, viêm khớp, viêm phế quản, nhiễm trùng huyết, áp xe, viêm tử cung, viêm vú trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	NOVA-3
4	Novamox 20% L.A Injectable Oily Suspension	Amoxycillin	Chai	100ml	Trị viêm dạ dày ruột, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú, da và mô mềm trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NOVA-4
5	Flumevet 20% Oral Solution	Flumequine	Chai	100; 200; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng huyết trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	NOVA-5
6	Coxisol 24% Oral Solution	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Chai	200; 500ml; 1 lít	Phòng, trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên lợn, gia cầm	NOVA-6

UNITED STATE OF AMERICA (USA)

1. Công ty Archer Daniels Mildland (ADM)

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	L-Lysine HCl	L-Lysine	Bao	25kg	Cung cấp L-Lysine	ADM-1

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	L-Threonine 98,5%	L-Threonine	Bao	25kg	Cung cấp L-Threonine	ADM-2
3	ADM-Tryposine Tm 15/70	Tryposine	Bao	25kg	Cung cấp Tryposine	ADM-3

2. Công ty Bioproducts-INC

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Choline Choloride 60%	Choline chloride	Bao	20; 25kg	Bổ sung Choline choloride	BPD-2
2	Choline Choloride 75%	Choline chloride	Bao	20; 25kg	Bổ sung Choline choloride	BPD-4

3. Công ty Elanco Animal Health

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Tylan 40	Tylosin phosphate	Bao	22,68kg	Phòng và trị PIA (Ileitis), khuẩn lỵ heo, các bệnh do Mycoplasma	USA	EC-1
2	Tylan soluble	Tylosin tartrate	Lọ	100g	Điều trị các bệnh do Mycoplasma gây ra, tăng sức đề kháng	USA, England	EC-2
3	Coban 60	Monensin	bao	22,68kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, kích thích tăng trọng	USA	EC-3

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
4	Apralan Premix 75	Apramycin sulfate		22,68kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA	EC-5
5	Apralan Soluble (Apramycin sulphate FSD)	Apramycin sulfate	Lọ	50; 100g	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA, England	EC-6
6	Tylan 50 Inj	Tylosin base	Lọ	100ml	Điều trị bệnh Mycoplasma, THT, đóng dấu, lỵ cấp ở trâu, bò, lợn	USA, UK Northern Ireland	EC-7
7	Tylan 200 Inj	Tylosin base	Lọ	100ml	Điều trị bệnh Mycoplasma, THT, đóng dấu, lỵ cấp ở trâu, bò, lợn	USA, UK Northern Ireland	EC-8
8	Pulmotil G200 (Tilmicosin Granulate fortify)	Tilmicosin	Bao	22,68kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, THT,...		EC-9
9	Tylan Soluble (Tylosin tartrate FSD)	Tylosin tartrate	Thùng	55kg	Điều trị các bệnh do Mycoplasma gây ra, tăng sức đề kháng	England	EC-10
10	Surmax 100	Avilamycin	Bao	25kg	Trị viêm ruột hoại tử do Clostridium gây ra gia cầm. Kiểm soát bệnh tiêu chảy có kết hợp vi khuẩn E.Coli trên heo con	England	EC-11

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
11	Tylan 40 sulfa-G	Tylosin phosphate, Sulfamethazine	Bao	22,68kg	Phòng và trị các bệnh viêm phổi, bệnh hô hấp mãn tính do Mycoplasma gây ra,...	USA	EC-12
12	Apralan soluble (Apramycin sulphateFSD)	Apramycin sulphate	Thùng	50g	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	End	EC-13
13	Apralan G 100	Apramycin sulphate	Bao	1kg	Điều trị bệnh tiêu chảy do E.coli và Salmonella gây ra	USA	EC-14
14	Maxiban 72	Narasin, Nicarbazin	Bao	22,68kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-15
15	Monteban 45	Narasin	Bao	22,68kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-16
16	Elancoban 200 Premix	Monensin	Bao	25kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng ở gà	USA	EC-17
17	Monensin QA 336N	Monensin	Bao	25kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng gà	USA	EC-18
18	Tylan 100	Tylosin phosphate	Bao	22,68kg	Phòng và trị PIA (Ileitis), khuẩn lỵ heo, các bệnh do Mycoplasma	USA	EC-19
19	Pulmotil AC	Tilmicosin	Chai	240; 960ml	Đặc trị các bệnh đường hô hấp do Mycoplasma gây ra	y	EC-20
20	Elector	Spinosad 2,5%	Chai	1; 5 lít	Kiểm soát ngoại ký sinh trùng ruồi, rận, ve hút máu cho bò	USA	EC-21

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
21	Extinosad ™ PSP	Spinosad (Spinosyn A & D)	Chai	250, 950 ml	Kiểm soát ngoại KST bọ cánh cứng và ruồi tại trại chăn nuôi gà	USA	EC-22
22	Micotil 300 inj	Tilmicosin, Propylene glycol	Chai	50, 100, 250 ml	Trị bệnh do các vi sinh vật mẫn cảm với Tilmicosin	USA	EC-23
23	Surmax G 200 premix	Avilamycine	Bao	25kg	Trị viêm ruột hoại tử kết hợp với vi khuẩn Cl. perfringens trên gia cầm. Tiêu chảy kết hợp với E.coli trên heo	Anh	EC-24

4. Công ty International Nutrition

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Swine Milk Maker	Potassium, Magnesium, Vit E, Choline	Bao, xô, gói	1kg, 10kg, 25kg	Nhuận tràng, tiêu hóa tốt, chống táo bón	IN-6
2	VM 505	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_{12}, Calcium Pantothenate, Niacin, Folic acid, Choline chloride	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 10kg, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-7
3	Swine VTM Starter	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_{12}, H, Folic acid, Niacin,	Bao, xô, gói	1, 10, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
		Pantothenic acid, Mn, Fe, Zn, Cu, Iodine, Co, Selenium				
4	Soluble Vitamix	Vitamin A, D_3, E, Menadione, B_1, Vitamin B_2, Pyridoxine, B_{12}, B_5, Niacinamide, Folic acid, Vit H, C	Bao, xô, gói	100gr,1, 5, 10, 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	IN-12
5	Sweet Iron F.G.	Iron, Zinc, Copper, Manganese, Vitamn E, Folic acid, Vitamin H, B_{12}	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	IN-19
6	Spectralyte	Citric Acid, Sodium Chloride, Potassium Chloride, Zinc Complex, dl-alpha tocopheryl acetate	Bao, xô, gói, thùng	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Trị ngừa các rối loạn đường ruột. Cân bằng điện giải, khoáng chất và Acidifier	IN-21
7	Electrolyte Blend	Potassium, Sodium, Chloride	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Hỗn hợp chất điện giải và vi khoáng	IN-23
8	Instress	Sodium, Potassium, Vitamin A, D_3, E, Pyridoxine, B_{12}, Folic acid, Menadione, Niacin, Vitamin H, B_1, B_2, B_6, Lysine	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Cung cấp vitamin, đồng thời phối hợp các hợp chất điện giải. Chống Stress tức thời	IN-24
9	Inter-Feed Premix	Vit A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Pantothenate acid, Folic acid, Niacin	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin, tăng sức đề kháng	IN-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	Sweet Iron Oral	Ferrous sulfate, Ferric Ammonium Citrate, Ferric Choline Citrate, Ferrous Fumarate, Ferrous Gluconate, Ferric Methionine, ZnO, $CuSO_4$, CuO, MnO, Zn, Methionine, Potassium Chloride, dl-Alpha Tocopheryl Acetate, Vitamin B_{12}, Biotin, Folic acid, Iron Oxide	Bao, xô, gói	1, 5, 20kg, 25kg	Ổn định lượng hemoglobin trong máu trong suốt giai đoạn bú mẹ. Giúp heo con có đủ lượng sắt và vi khoáng cần thiết cho đến khi ăn được thức ăn khó. Cung cấp đủ khoáng dinh dưỡng,	IN-31
11	Cattle Trace Mineral Premix	Fe, Mn, Zn, Cu, Co, Iodine, Selenium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu các loại khoáng	IN-33
12	Vitamin AD_3E Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	100, 250, 500ml	Điều trị bệnh thiếu hụt Vitamin	IN-37
13	Vitamin B Complex Inj	Hỗn hợp Vitamin nhóm B	Chai	100, 250, 500ml	Bổ sung vitamin nhóm B	IN-38
14	Vitamin B Complex Fortified Inj	Hỗn hợp Vitamin nhóm B đậm đặc	Chai	100, 250, 500ml	Điều trị các chứng thiếu hụt vitamin nhóm B	IN-39
15	Maxim-100 Inj	Oxytetracycline	Chai	100, 250, 500ml	Kháng khuẩn Gr(-) và Gr(+)	IN-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Worm Away	Morantel Tartrate, Wheat Midds, Alfafa, Molasses, Calcium carbonate, Sodium chloride	Gói, Xô, Bao	100, 250, 500g; 1kg 5; 10; 20kg 25 kg	Điều trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng cho dê, bò, cừu	IN-43
17	Swine VTM Grower Finisher	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, H Folic acid, Niacin, Pantothenic acid, Mn, Fe, Zn, Cu, Iodine, Co	Bao, xô, gói	1, 10, 25kg	Cung cấp các vitamin thiết yếu và các khoáng chất	IN-5
18	Soluble ADE	Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin E	Bao, xô, gói	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Bổ sung nguồn Vitamin A, D, E	IN-20
19	Swine Grower Finisher	Vitamin A, D_3, E, Riboflavin, Fe, Zn, Cu, Pantothenate acid, Choline	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và cân bằng vi khoáng cho khẩu phần lợn	IN-29
20	VM 101	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, Calcium Pantothenate, Niacin, Vi B_{12}, Folic acid, Choline Chloride	Bao, xô, gói	100g,1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Bổ sung vitamin, axit amin cần thiết và khoáng	IN-41
21	Ferm-A-Zin	Zn, Vitamin C, Methionin, Threonine, Trytophane, amino acid	Bao, xô, gói	100; 250; 500g; 1, 5, 10, 25kg	Bổ sung vitamin, axit amin cần thiết và khoáng	IN-42
22	Vitamix 11	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, H Niacin, B_{12}, Folic, pantothenate acid	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Hỗn hợp 11 Vitamin thiết yếu	IN-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
23	Biovitacon	Vit A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, H, B_{12}, Pantothenate acid, Niacin, Folic acid	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin ở dạng đậm đặc	IN-25
24	Family Pig Balancer	Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin E, Crude protein, Lysine, Calcium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin, lysine và Calcium	IN-30

5. Công ty Med Pharmex

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran Inj	Iron Dextran	Chai, lọ	100ml	Bổ sung sắt	MPM-1
2	Vitamin A, D_3 Inj	Vitamin A, D_3	Chai, lọ	100ml, 250ml	Bổ sung vitamin A, D_3	MPM-2
3	Fortified B complex	Vitamin nhóm B	Chai, lọ	100ml, 250ml	Bổ sung vitamin tổng hợp B	MPM-3
4	Vitamin & Electrolytes	Vitamin và điện giải	Gói	225g	Bổ sung vitamin tổng hợp B và chất điện giải	MPM-4

6. Công ty Agripharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxymycin 100	Oxytetracycline	Chai	500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	RXV-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Vita-Jec B Complex Fortified	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RXV-2
3	Vita-Jec Vitamin B complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RXV-3
4	Vita-Jec A+D500	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm A, D	RXV-4
5	Exit ^{TM} Insecticide	Vitamin A, D_3, E	Chai	3,785 lít	Diệt ngoại ký sinh trùng	RXV-8

7. Công ty Fort Dodge Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Dicural Oral Solution	Difloxacine	Lọ	250ml	Phòng và trị nhiễm trùng	Tây Ban Nha	FDA-1
2	Duphapenstrep BP	Pencilline Streptomycine	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gr (+)	Tây Ban Nha	FDA-2
3	Tinkanium	Trimethoprim Sulfamethazine	Lọ	100ml	Kháng sinh chuyên trị bệnh đường tiêu hóa	Tây Ban Nha	SVI-1
4	ProMeris Duo	Amitraz, Metaflumizone	Type	0,67; 1,33; 3,33; 5,33; 6,66ml	Trị ngoại ký sinh trùng trên chó	Tây Ban Nha	FDA-18
5	Proheart SR-12 injection	Moxidectin	Lọ	10ml	Trị bệnh giun tim cho chó	Australia	FDA-20

8. Công ty Alpharma

TT	Tên sản phẩm (nguyên liệu)	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	3 - Nitro	Roxasone	Gói, túi Thùng	20; 100g 1; 10kg; 25kg,50kg	Phòng cầu trùng, tăng trọng. Cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	USA, CHINA	ALP-01
2	BMD	Bacitracin methylene disalicylate, Calcium carbonate	Gói Xô Bao	30; 100g; 1kg 2,5; 5kg 25; 50; 100; 200kg	Làm giảm tiêu tốn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Làm giảm vi khuẩn có hại trong đường ruột	USA	ALP-03
3	BMD Soluble 50%	Bacitracin methylene disalicylate soluble, Calcium carbonate	Gói Xô, bao	100; 500g; 1kg 2,5; 5kg 25; 50; 100; 200kg	Làm giảm tiêu tốn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Làm giảm vi khuẩn có hại trong đường ruột	USA	ALP-04
4	Cygro 1%	Maduramicin ammonium	Gói Thùng, bao	100,500,g, 1kg 2.5,5, 7.5kg 10,20; 25kg	Phòng và trị bệnh Cầu trùng	CHINA	ALP-05
5	Aurofac 200G	Chlotetracycline	Gói Xô Bao	100, 500g, 1kg 2.5kg, 5kg, 7.5kg 10kg, 25kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	USA, CHINA	ALP-08
6	Avatec 15%	Lasalosis	Gói Xô Bao	100, 500g, 1kg 2.5kg, 5kg, 7.5kg 10kg, 20kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, kích thích sinh trưởng	USA	ALP-09

TT	Tên sản phẩm (nguyên liệu)	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
7	Aureo SP 250	Chlotetra	Gói Bao	115; 575; 1,15; 2,3; 46; 6,9 kg; 22,7 kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	USA	ALP-10
8	Biocox 120G	Salinomycin	Bao	20,25 kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng	USA, Italy, China	ALP-16
9	Robenz 66 G	Tobenidine HCl	Gói, xô, bao	100g; 1; 2,5; 5; 7,5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gà	Thailand	ALP-17
10	Avatec 20%	Lasalocid sodium	Bao	20; 25kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	Italy, USA	ALP-18
11	Alvermec	Ivermectin	Bao	1; 20; 25 kg	Phòng nội, ngoại ký sinh trùng	Korea	ALP-19

9. Công ty Pfizer

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Revolution™ 6%	Salemectine	Tuýp	0,25ml	Phòng bệnh ký sinh trùng ở chó, mèo	USA	PFU-7
2	Revolution™ 12%	Salemectine	Tuýp	0,25ml; 0,5ml 1ml; 2ml	Phòng các bệnh ký sinh trùng ở chó, mèo	USA	PFU-8

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
3	Dectomax	Doramectine	Chai	20ml; 50ml; 100ml; 200 ml	Phòng các bệnh ký sinh trùng ở heo, trâu, bò	Brazil	PFU-9
4	Advocin 2,5%	Danofloxacin	Chai	20; 50; 100 ml; 250 ml	Phòng và trị bệnh trên heo, trâu, bò	Brazil	PFU-10
5	Noxal	Sulphaquinoxaline	Chai	100 ml; 120 ml 1 lít	Phòng và diệt cầu trùng trên gà, các bệnh tiêu chảy ở heo con	Phillipines	PFU-11
6	Terramycin Poultry (Formula with Antigerm 77)	Oxytetracyclin, Vitamin	Gói	10g 100g	Phòng các bệnh nhiễm khuẩn, giảm stress, cung cấp thêm các loại vitamin cho gia cầm	Phillipines	PFU-12
7	Neo-Oxy Vet	Neomycin, Oxytetracycline, Vitamin, Khoáng	Gói	1 kg 10g; 100g	Phòng và trị CRD, CCRD, Coryza, THT, dùng trong úm gà	Phillipines, India	PFU-13
8	Terramycin Egg Formula	Oxytetracyclin, Vitamin	Gói	20, 100, 250 g 2; 2,5 kg	Phòng các bệnh nhiễm khuẩn, giảm stress	Phillipines, India	PFU-15
9	Terra Vite	Oxytetracyclin, Vitamin	Gói	20, 100 g	Phòng các bệnh trên gà như tụ huyết trùng	Phillipines	PFU-16
10	Terramycin/LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 100ml	Phòng và trị ỉa chảy, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa, hô hấp...	Indonesia, France	PFU-17

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
11	Rimadyl Chewable tablets	Caprofen	Viên	25 mg	Tác dụng giảm viêm, giảm đau dùng điều trị cho chó	USA	PFU-20
12	Rimadyl Caplets	Caprofen	Viên	25 mg	Tác dụng giảm viêm, giảm đau	USA	PFU-21
13	Neo-Terramycin 50/50	Neomycin, Oxytetracycline	Gói	10g; 100g 1kg	Phòng và trị bệnh CRD, CCRD, Coryza, tụ huyết trùng	Australia	PFU-26
14	Clamoxyl LA	Amoxycilline trihydrate	Chai	50ml; 100 ml 250ml	Trị bệnh truyền nhiễm cấp và mạn tính, viêm có mủ	USA, Italia, England	PFU-27
15	Synulox RTU	Amoxycilline trihydrate, Acid clavulanic	Chai	10ml; 40ml 50ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, viêm khớp, viêm tử cung ở heo, bò, trâu, chó, mèo	USA, Italia, England	PFU-28
16	Synulox LC (lactating cow)	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium, Presnisolon	Hộp	24 syringe 12 syringe	Phòng và trị bệnh viêm vú, mất sữa trên bò	USA, Italia, England	PFU-36
17	Clavamox ^{R} Drop	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium	Chai	15 ml	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn trên chó	USA	PFU-37

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
18	Clavamox Tab	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium	Hộp	210 viên	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn trên chó	USA	PFU-38
19	Liquamycine	Oxytetracycline	Chai	100ml	Trị bệnh do vi khuẩn hiếu khí, kỵ khí xoắn khuẩn, Rickettisae, Mycoplasma	Indonesia	PFU-39
20	Valbazen 11,25%	Albendazol	Chai	30ml, 1 lít	Thuốc phòng và trị bệnh KST trên trâu, bò	Thailand, Phillipines	PFU-40
21	Canex (Medium dogs) 1 tablet for 10kg bodyweight	Pyrantel embonate 143mg, Oxatel embonate 543mg, Praziquantel 100mg	Vỉ	vỉ 4 viên	Thuốc tẩy các loại giun đũa, giun móc, giun tóc và sán dây trên chó	Australia, India	PFU-41
22	Canex (Large dogs) 1 tablet for 20kg bodyweight	Pyrantel embonate 143mg, Oxatel embonate 543mg, Praziquantel 100mg	Vỉ	vỉ 4 viên	Thuốc tẩy các loại giun đũa, giun móc, giun tóc và sán dây trên chó	Australia, India	PFU-42
23	Rimadyl inj	Caprofen	Chai	20 ml	Giảm đau và hạ sốt cho chó đặc biệt giảm triệu chứng trong viêm khớp hoặc thoái hóa khớp	USA, Italia, England	PFU-43

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
24	Vibravet	Doxycycline (Dog and Cat)	Hộp	20 syringes 2,5g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, niệu sinh dục cho chó và mèo	UAS, Australia	PFU-46
25	Valbazen 11,25%	Albendazol	Chai	100, 500ml 1 lít, 2 lít	Thuốc trị giun sán dùng cho trâu, bò	Thailand, Phillipines	PFU-49
26	Teatseal	Bismuth subnitrate	Tuýp	4g	Bịt đầu vú, chống viêm vú cho bò ở giai đoạn cạn sữa	USA	PFU-52
27	Linco-Spectin	Lincomycin hydrochloride, Spectinomycin sulfate	Chai	50; 100; 250ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	USA, Bỉ	PFU-54
28	Biosol-M Pump	Neomycin sulfate	Chai	30; 120ml	Phòng trị các bệnh đường ruột ở lợn	USA, Bỉ, T.Quốc, T.Lan	PFU-55
29	Linco-Spectin 100 Soluble Powder	Lincomycin, Spectinomycin, Sodium benzoate	Chai	150g	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli ở gia cầm	Trung Quốc	PFU-57
30	Neomix 325 Soluble Powder	Neomycin, Sucrose	Chai	100; 200; 500g	Phòng và trị bệnh do E.coli ở lợn, gia cầm, trâu, bò, dê, cừu	Trung Quốc	PFU-58

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
31	Excenel	Ceftiofur sodium	Lọ	- 1g+20ml dd pha - 4g+80ml dd pha	Trị nhiễm trùng đường hô hấp cho trâu, bò, ngựa, lợn, viêm đường tiết niệu cho chó	USA	PFU-59
32	Draxxin®	Tulathromycin, Monothioglycerol	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	Anh, Pháp	PFU-72
33	Excede™ for Swine	Ceftiofur	Lọ	50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	Mỹ	PFU-73
34	Excenel® RTU	Ceftiofur HCL	Lọ	100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viêm kẽ móng hoại tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò	Mỹ	PFU-74
35	Linco-Spectin 44 Premix	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, Bao	100g; 1; 20; 25kg	Trị viêm phổi, bệnh đường ruột trên heo, gà	Trung Quốc	PFU-77
36	Lincomix 110 Premix	Lincomycin	Túi, Bao	100; 500g; 1,5; 3; 4,5; 5; 20; 25kg	Trị ly, viêm phổi trên heo. Viêm ruột trên gà	Trung Quốc	PFU-78
37	Linco-Spectin 880 Premix	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, Bao	100; 500g; 1; 1,5; 3; 4,5; 5; 20; 25kg	Trị hồng ly, viêm ruột trên heo	Trung Quốc	PFU-79
38	Lincomix S premix	Lincomycin, Sulfamethazine	Túi, Bao	100g; 1; 5; 20; 25kg	Trị ly, hội chứng MMA trên heo	Trung Quốc	PFU-80

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
39	Lincomix 800 Soluble powder	Lincomycin	Túi, bao	100g; 1; 5; 20; 25kg	Trị hồng lỵ trên heo	Trung Quốc	PFU-81
40	Excede	Cetiofur	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên bò	Mỹ	PFU-82
41	Lincomix 44 Premix	Lincomycin	Túi, bao	100; 500g; 1,5; 20; 25kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo	T.Quốc	PFU-83
42	Spectramast LC	Ceftiofur	Ống bơm	10ml	Trị viêm vú giai đoạn cho sữa	Mỹ	PFU-84
43	Spectramst DC	Ceftifour	Ống bơm	10ml	Trị viêm vú giai đoạn bò cạn sữa	Mỹ	PFU-86

10. Công ty American Veterinary Laboratories INC (A.V.L)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	50; 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin nhóm A, D, E	AVL-2

11. Công ty nepera, INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng	Khối lượng/	Công dụng	Số đăng ký
1	Niacinamide Feed Grade (Nicotinamide, Vitamin B_3)	Vitamin B_3	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin B_3	NPRU-1

12. Công ty Western Yeast Company

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Western DI-SAN	Saccharomyces cerevisiae	Gói, bao	500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Tăng khả năng tiêu hóa, hấp thu dinh dưỡng, giảm mùi hôi của phân, cải thiện ô nhiễm môi trường	WYU-01

13. Công ty Schering-Plough Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Nuflor solution inj	Florfenicol	Chai	20; 50; 100; 250 ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn	Pháp	MKV-15
2	Nuflor Premix	Florfenicol	Bao	10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	Mexico	MKV-16
3	Finadyne solution injectable	Fluxinin meglumine	Chai	10; 50; 100; 250ml	Kháng viêm, giảm đau, và trị bệnh về xương, cơ trên trâu, bò, ngựa	Pháp	MKV-17
4	Nuflor Solucion Oral 10%	Florfenicol	Chai, Can	500ml; 1; 2; 5l	Trị bệnh hô hấp trên heo, gà	Mexico	MKV-21

14. Công ty Ameco-Bios

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Gromix Pak	Amylase, Protease, Lipase, ZnO, chất chiết xuất từ Yucca, chất đạm, béo, xơ thô	Gói, bao	1; 20; 22,5; 25kg	Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, cung cấp men tiêu hóa, chất đạm, béo, xơ	ABU-4

VENEZUELA

1. Laboratorios Reveex De Venezuela C.A.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitavet-B-Amino	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K, A. amin	Lọ, Bình	1 lít; 5 lít	Cung cấp Vitamin và các acid amin	LRV-01
2	Colimox	Amoxycillin (trihydrate), Colistin sulphate	Lọ	100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	LRV-02
3	15-Amox	Amoxycillin (trihydrate)	Lọ	100ml	Phòng, trị các bệnh đường hô hấp	LRV-03
4	Gumbor	Potassium citrate, Sodium citrate, Phenylbutazone (sodium), Vitamin B, B_{12}, C, Menadione sodium bisuulfite, Nicotinamide Trihydrothyl-rutoside	Gói	100g; 1kg	Phòng trị bệnh Gumboro	LRV-05

JAPAN

1. Công ty Asahi Vet Japan

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin 40	Colistin sulfate 4%	Bao	10; 20kgs	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-1
2	Colistin 100	Colistin sulfate 10%	Bao	10; 20kgs	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Colistin Sulfate (Colistin Sulfate Ashahi)	Colistin sulfate	Thùng	10kg	Điều trị bệnh tiêu chảy ở heo	ASA-3

2. Công ty Daiichi Fine Chemical Co., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	D-calcium Pantothenate	Vitamin B_5	Bao	10; 25kg	Bổ sung vitamin B_5	FUJI-1
2	Daimeton Soda	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, thùng, bao	20; 100g; 1; 10; 25kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi	FUJI-3

3. Công ty Meiji Seika Kaisha

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Colimeiji	Colistin sulphate	Thùng	300; 400; 500; 600 BOU	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	Trung Quốc, Nhật	MJ-1
2	Colistin sulphate 2%	Colistin sulphate	Gói, bao	100kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	Trung Quốc, Nhật	MJ-2

4. Công ty Scientific Feed Laboratory

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Trimixliquid	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, Panthenol	Thùng	500ml; 1; 18 lít	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin	SS-4
2	Vitamin E 50%	Vitamin E	Bao	25kg	Phòng, trị bệnh do thiếu vit E	SS-5

5. Công ty Takeda Chemical Industries

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	CVC type A coated Ascorbic Acid	Ascorbic Acid (Vitamin C)	Thùng	25; 50 kg	Bổ sung Vitamin C, tăng cường sức đề kháng cho gia súc	TKD - 3

6. Công ty Kohkin Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	All Purposes Premix Vitamin for Chicken	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_6, khoáng lượng: Fe, Cu, Mn, Zn, Methionin, Nicotinamide, Folic acid	Thùng	50kg	Bổ sung vitamin, khoáng. Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	KOC-1

7. Công ty Kaken Pharmaceutical Co., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin sulfate	Colistin sulfate	Thùng	100; 200; 300; 400 bou	Trị tiêu chảy do vi khuẩn E.coli và Salmonella	KKP-1

8. Công ty Kuraray Co., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Kuraray Vitamin A 500	Vitamin A	Thùng	25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A	KRRJ-1

NEW ZEALAND

1. Công ty Bomac Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylomix	Tylosin	Bao	20kg	Viêm đường hô hấp, viêm phế quản, viêm phổi	BLL-3
2	Kaomide D	Sulfadimidine	Bao	250kg	Nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu	BLL-4
3	Soladeplus	Vitamin ADE	Bao	5kg	Nâng cao sinh sản, kích thích tăng trưởng	BLL-5
4	Tetravet	Oxytetracyclin	Chai	200g	Nhiễm trùng vết thương	BLL-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Tetravet Aerosol Blue	Oxytetracycline HCL	Chai	200g	Trị nhiễm khuẩn ngoài da cho gia súc	BLL-11
6	Tylosol	Tylosin tartrate	Gói	200g; 1kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, viêm phổi, lỵ và viêm hồi tràng trên heo	BLL-12

AUSTRALIA

1. Công ty Jurox Pty Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Moxylan LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	100ml, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu, chó, mèo	JPL-1
2	Erymicin 200	Erythromycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu	JPL-2
3	Moxylan RTU	Amoxycillin trihydrate	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, cừu, chó, mèo	JPL-5
4	Juraclox LC	Ampiciline, Cloxacillin	Ống, hộp	3g	Trị viêm vú trong giai đoạn tiết sữa do vi khuẩn nhạy cảm với Ampiciline, Cloxacillin gây ra trên bò	JPL-6
5	Maxalac LC	Cefuroxime sodium	Ống, hộp	3g	Trị viêm vú mãn tính do vi khuẩn nhạy cảm với Cefuroxime gây ra ở bò	JPL-7

2. Công ty Troy Laboratories PTY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ilium xylazil-20	Xylazine HCL	Lọ	20; 50ml	Giảm trương lực cơ, giảm đau và an thần	TROY-2
2	Ketamil Injection	Ketamine HCL	Lọ	10; 50ml	Gây mê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, chó, mèo	TROY-3

FRANCE

1. Công ty Doxal

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Robindox	Robenidine 6,6%	Bao	20 kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal - France	DA-1
2	Clopen 25	Meticlorpindol	Bao	25kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal - Italy, France	DA-6
3	Coccidox	Nicarbazine 25%	Bao	25kg	Điều trị bệnh ký sinh trùng	Doxal - Italy, France	DA-7

2. Công ty GuyomarC'h - VCN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitaflash	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_{12}, C, K_3, PP, B_5, Cystine, Methionine, Lysin, Arginine, Tritophane	Gói	20; 50 100g	Cung cấp vitamin và acid amin cần thiết, trị Gumboro trên gà	GUY-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Covit	Colistine, Oxytetracycline, Vit A, D_3, K_3, E, B_2, B_{12}	Gói	20; 50 100g	Phòng và trị các bệnh đường ruột, viêm rốn, bệnh hô hấp mãn tính	GUY-2
3	Anticoc	Sulphadimerazine, Diaverdine	Gói	20; 50 100g	Điều trị bệnh cầu trùng ở gia súc, gia cầm	GUY-4

3. Công ty Merial

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Suanovil 20	Spiramycine	Chai	50; 100; 250; 500 ml	Trị bệnh do vi khuẩn gr(+), Mycoplasma, cho trâu bò, cừu, dê, heo, gà	Pháp	MRA-45
2	Suanovil 50	Spiramycine	Hộp	100 g; 1 kg	trị bệnh do vi khuẩn gr(+), Mycoplasma, Pasteurella cho bê, heo, gà	Pháp	MRA-46
3	Ronaxan PS 5%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 1,5; 25kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	Pháp	MRA-47
4	Imequyl 10%	Flumequine	Hộp	100 g; 1 kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-), gây cho gà, vịt, thỏ, bê, cừu, heo, cá	Pháp	MRA-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
5	Imequyl 20%	Flumequine	Chai	100; 500 ml; 60l	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-), gây cho gà, vịt, thỏ, bê, cừu, heo, cá	Pháp	MRA-49
6	Imequyl 50%	Flumequine	Hộp	100 g; 1 kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-), gây ra cho gà, vịt, thỏ, bê, cừu, heo	Pháp	MRA-50
7	Belcomycine S	Colistine	Chai	100 ml, 250ml	Trị bệnh do các vi khuẩn gr(-), mẫn cảm với Colistin	Pháp	MRA-51
8	Belcospira	Colistine Spiramycine	Hộp	100 g; 1 kg	Trị bệnh do các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Spiramycine	Pháp	MRA-54
9	Coyden 25	Clopidol	Bao	Bột 25 kg	Phòng cầu trùng ở gà thịt và thỏ	Pháp	MRA-57
10	Coyden F 99%	Clopidol	Bao	Bột 50 kg	Phòng bệnh cầu trùng ở gà thịt, thỏ	Pháp	MRA-58
11	Nemisol L15	Levamisol	Chai	250ml	Trị các loại giun tròn ở trâu bò, heo, gà	Pháp	MRA-59
12	Dovenix	Nitroxynil	Lọ	50; 250 ml	Diệt sán lá gan, giun tròn ở các loài thú	Pháp	MRA-60
13	Trypamidium	Chlorhydrat chlorur isométamidium để	Gói	125 mg; 1 g	Phòng và trị bệnh do Tripanosoma ở trâu, bò, lạc đà, ngựa, chó	Pháp	MRA-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
14	Vitaperos	12 vitamines	Hộp, bao	5; 100 g; 25kg	Bổ sung vitamin cho gia súc	Pháp	MRA-62
15	Hematopan B_{12}	Sodium cacodylate	Lọ	50; 100; 250 ml	Trị suy nhược thiếu máu cho thú nhai lại, ngựa, heo, chó, mèo	Pháp	MRA-63
16	Frontline spray	Fipronil	Bình	100; 250 ml	Diệt ngoại ký sinh cho chó mèo	Pháp	MRA-64
17	Ronaxan 20%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 1kg, 5kg, 25kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	Pháp	MRA-65
18	Cofavit 500	Vitamin A, D_3, E	Lọ	50; 100 ml	Phòng và trị chứng thiếu Vitamin A, D_3, E ở trâu, bò, dê, cừu, heo, thỏ	Pháp	MRA-93
19	Heparenol	Sorbitol, Chlorur cholin, Lysine HCL	Bình	1; 5; 60; 200L	Tăng cường chức năng gan, lợi tiểu, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	Pháp	MRA-94
20	Oligoselen Vittamin E	Sodium selenite, Vit E	Bình	1; 5; 60; 200L	Bổ sung Vitamine E và Selenium	Pháp	MRA-95
21	Merisolone	Procain benzylpenicillin, Neomycin (sulphate), Methyl prednisolone	Chai	20; 50; 100; 250ml	Điều trị các bệnh nhạy cảm với Penicillin và Neomycin	Pháp	MRA-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
22	Cloxamam	Cloxacilline	Ống	9,1 g	Phòng trị bệnh viêm vú bò trong giai đoạn khô	Pháp	MRA-100
23	Entero Porcelet	Spiramycin, Colistin	Ống bơm	12g	Phòng, trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với spiramycin và colistin	Pháp	MRA-101
24	Sulfa 33 Coophavet	Sulfadimidine	Chai	100; 500 ml	Điều trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với sulphadimidine	Pháp	MRA-102
25	Ampidexalone	Ampicilline Colistine, dexa	Chai	100 ml	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Colistin	Pháp	MRA-103
26	Polystrongle poudre orale	Levamisole	Gói Bao	100 g; 1kg; 25kg	Phòng và trị bệnh do các loại giun tròn nhạy cảm với levamisol	Pháp	MRA-105
27	Oxytetra 10 Coophavet	Oxytetracycline	Chai	100 ml; 250ml	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	Pháp	MRA-106
28	Remacycline L.A	Oxytetracycline	Chai	50ml; 100 ml	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	Pháp	MRA-107
29	Super Layer	Oxytetracycline Vit A, D_3, E, K_3, B_2, B_{12}, Ca, VitPP, Methionine, Lysine	Gói thùng	100g; 1; 2,5kg 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline. Bệnh đường tiêu hóa, hô hấp có liên quan đến stress	Pháp	MRA-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
30	Biodyl	Cyanocobalamin, Selenit, ATP	Chai	50; 100 ml	Điều trị các rối loạn cơ cho tất cả các loài vật	Pháp	MRA-109
31	Colisultrix	Colistin-TMP	Gói, hộp	100 g; 1kg; 2,5 kg; 25kg	Phòng, trị bệnh các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim	Pháp	MRA-110
32	NP 8	Colistine, Neomycine	Gói, hộp	100 g; 1; 2; 5 kg	Phòng, trị bệnh các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và neomycin	Pháp	MRA-111
33	CRD 92	Spiramycine TMP	Gói, hộp	100g; 1; 2; 5 kg	Phòng, trị bệnh do các vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycine và Trimethoprim		MRA-112
34	SMP 25	Sulphadime-thoxypyridazine	Chai	100ml	Trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với S. thoxypyridazine	Pháp	MRA-113
35	Trisulmix injectable	Sulphadimetho-xine-Trimethoprime	Chai	50, 100 ml	Phòng, trị bệnh gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Spiramy-cine và Trimethoprim	Pháp	MRA-114
36	Dexacortyl	Dexamethasone, Sodium methyl hydroxybenzoate	Chai	50ml; 100ml	Kháng viêm	Pháp	MRA-142
37	Aleccid	Sulfaquinoxaline Pyrimethamine	Bình	1; 5; 60; 200 L	Phòng, trị bệnh cầu trùng	Pháp	MRA-144

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
38	Sunix liquide	Sulfadimethoxin	Bình	1lít, 5 lít, 10 lít	Trị cầu trùng gà	Pháp	MRA-145
39	Trisulmix liquide	Sulfadimetho-xine-Trimethoprime	Bình	1 L, 5 L	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine và Trimethoprime	Pháp	MRA-148
40	Cofalac	Colistin	Gói	100 g	Trị bệnh đường do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở bê	Pháp	MRA-149
41	Cofacoli	Colistine	Gói, hộp	100g; 1;2;5;25 kg	Phòng trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở gia cầm, thỏ, bê, cừu	Pháp	MRA-150
42	Sepou	Carbaryl	Gói, Hộp	100g;1kg	Phòng và trị ngoại ký sinh cho gia súc, gia cầm	Pháp	MRA-151
43	Phosretic	Ethanol B axítaminophos-phoric	Gói, hộp thùng	100g; 1; 2,5 kg 25kg	Phòng và chữa trị các bệnh có liên quan đến gan và thận	Pháp	MRA-152
44	Trisulmix poudre	Sulphadime-thoxine-Trimethoprime	Gói, hộp	100g; 1;2;5 kg; 25kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprime	Pháp	MRA-154
45	Synevit	Sinh tố - Khoáng	Gói, hộp	100g; 1;2;5 kg	Bổ sung sinh tố, khoáng	Pháp	MRA-155
46	Aureomycine	Chlortetracycline	Hộp	24 viên	Phòng bệnh viêm tử cung ở bò	Pháp	MRA-164
47	Ketofen 10%	Ketoprofene	Lọ	10; 50; 100 ml	Kháng viêm	Pháp	MRA-165

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
48	Heartgard Plus Chewables	Ivermectin/ pyrantel	Hộp	6 viên (3 loại 3 màu)	Phòng bệnh giun tim, phòng trị các loại giun đũa, giun móc	Pháp, Mỹ	MRA-174
49	Ivomec Premix	Ivermectin	Gói	333g; 5kg	Phòng trị nội ký sinh trùng	Mỹ, Hà Lan	MRA-175
50	Gallimycin	Erythromycine	Hộp	227 g	Phòng trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycine	Trung Quốc	MRA-176
51	Ivomec Injectable	Ivermectin,	Lọ	50 ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	Mỹ, Hà Lan, Brasil	MRA-177
52	Frontline spot on cat	Fipronil	Hộp	1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 0,5 ml)	Diệt ngoại ký sinh trùng ở mèo	Pháp	MRA-178
53	Frontline spot on dog	Fipronil	Hộp	1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 0,67ml) 1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 1,34ml) 1 ống (nhỏ giọt 1; 3; 6 x 2,68ml)	Diệt ngoại ký sinh trùng ở chó	Pháp	MRA-179
54	Cofacoli solution	Colistin	Bình	500ml, 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với colistin	Pháp	MRA-186
55	Cofamox 20	Amoxilin	Hộp, gói	100g, 1 kg, 2,5kg; 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxilin	Pháp	MRA-187

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
56	Pyrevalgine	Acetylsalicylic, Vit C	Chai	100ml	Giảm đau, hạ sốt	Pháp	MRA-188
57	Amprol 12%	Amprolium	Chai, bình	500ml; 1; 5; 10; 60 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng gia cầm	Pháp	MRA-189
58	Cofalysor	Fish hydrolysate, Potasium metabisulphite, Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}, Ammonium iron citrate, Mange	Chai	100; 250ml	Giúp tăng cường trao đổi chất	Pháp	MRA-190
59	Flumicof 20	Flumequine	Bình	500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	Pháp	MRA-191
60	Vermizol L	Levamisol HCL; Sodium metabisulphite	Chai	100ml	Thuốc diệt nội ký sinh	Pháp	MRA-194
61	Virgocilline	Colistin sulphate, Methylpara hydroxybenzoate Propyl parahydroxy-benzoat	Chai, hộp 10 chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	Pháp	MRA-195

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
62	Vitalic	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_6, Calcium panthothenate, Vit.PP, B_{12}, Biotin	Bình	1; 5; 60; 200lít	Bổ sung hỗn hợp vitamin cho gia cầm	Pháp	MRA-196
63	Immiticide	Dichlorhydrate Melarsomine	Hộp	5 lọ thuốc + 5 lọ nước pha	Điều trị bệnh giun tim ở chó	Pháp	MRA-200
64	Imalgène® 1000	Ketamin, Chlorobutanol	Chai	10ml	Gây mê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	Pháp	MRA-210

4. Công ty Noe Socopharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampicoline	Ampicoline, Colistine	Chai	100ml	Điều trị các bệnh truyền nhiễm như MMA, Salmonellosis, E.coli,...	NOEF-1
2	Peni-Strepto 20/20 Noe	Benzylpenicilline, Dihydro streptomycine	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin	NOEF-2
3	Tarigermel	Cloxacilline benzathine, Monosteanat d' aluminium	Tupe	10ml	Phòng trị các bệnh viêm vú khi không cho sữa	NOEF-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Levamisole 15% Noe	Levamisole chlorhydrate	Chai	250ml	Trị sán cho bò, cừu, dê, heo,...	NOEF-4
5	Oxylon 20	Oxytetracycline	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi trùng nhạy cảm với Oxytetracycline	NOEF-6
6	Sulfadimerazine 33% NOE	Sulfadimidine	Chai	500ml	Điều trị các bệnh do vi trùng nhạy cảm với Sulfadimidine	NOEF-7
7	Oblets gynaureo	Chlotetracycline	Hộp	100 viên (viên 13g)	Phòng, trị các bệnh đường sinh sản ở gia súc	NOEF-8
8	Inifer 200	Fer complexd extran	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu ở lợn	NOEF-9
9	Sulfapram	Sulfamethoxypyridazine, Trimethoprim	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulfamethoxypyridazine	NOEF-10
10	Blotic	Propetamphos	Chai	10; 100ml, 1; 5l	Diệt côn trùng, ve bét ở trâu, bò, cừu	NOEF-11
11	Calcigluphos	Gluconat canxi, magnesium, acid boric	Chai	250; 500ml	Bổ sung canxi, magnesium, phosphore cho gia súc, gia cầm	NOEF-12

5. Công ty Cevasante Animale

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Veriban	Diminazene aceturate, Excipients	Gói	2,36gr; 23,6gr	Trị ký sinh trùng đường máu	SNF-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Ampisur	Ampicillin, Colistin, Excipients	Chai	50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	SNF-22
3	Cevamycin W.S	Erythomycin, Colistin, Excipients	Gói	100; 400; 1000gr	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa	SNF-23
4	Coxeva	Sulfadimidine, Diaveridine	Gói	100gr	Trị cầu trùng gà	SNF-25
5	Flumiquil 3%	Flumequine, Excipients	Chai	100ml	Tác dụng tốt vi khuẩn Gram âm	SNF-27
6	Flumisol 10%	Flumequine, Excipients	Chai	50; 250; 500ml; 1l	Tác dụng tốt vi khuẩn Gram âm	SNF-28
7	Flumiquil 50%	Flumequine, Excipients	Chai	50; 1000gr	Tác dụng tốt vi khuẩn Gram âm	SNF-29
8	Tenaline 20%	Oxytetracycline, Excipients	Chai	100; 250ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	SNF-36
9	Terraline 10%	Oxytetracycline, Excipients	Chai	100; 250ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	SNF-37
10	Vigal 2X	Erythromycine, Vitamin A, D_3, E, B_2, B_6, B_{12}, PP, Excipients	Gói	114gr; 1kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin	SNF-38
11	Vigosine	Carnitine HCL, Sorbitol, Magnesium, Excipient	Chai	100; 200; 500ml	Chất điện giải	SNF-56
12	Vermitan 10%	Albendazole, Excipients	Gói	10; 50; 100ml	Ngừa ký sinh trùng	SNF-58
13	Vermitan 20%	Albendazole, Excipients	Gói	10; 50; 100kg	Ngừa ký sinh trùng	SNF-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Vetrimoxin L.A	Amoxicillin, Excipients	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	SNF-77
15	Cevamec 1%	Ivermectin, Excipients	Chai	50; 100ml	Ngừa ký sinh trùng	SNF-78
16	Nembutal	Pentobarbitone sodium Excipients	Chai	50; 100ml	Gây mê	SNF-79
17	Vetrimoxin® 50 Matrix	Amoxicillin trihydrate	Túi	5, 10, 25 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung	SNF-86

6. Công ty Vetoquinol

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Septotryl Inj	Sulphamethoxypyri-dazine Trimethoprim	Lọ, chai	50ml, 100ml, 250ml	Trị bệnh gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm với S. methoxypyridazine, Trimethoprim	VQ-3
2	Fercobsang Inj	Amonium ferrous citrate Vitamine B complex	Lọ, chai	50ml, 100ml, 250ml, 500ml	Trị thiếu máu, rối loạn tăng trưởng, phục hồi thú sau sinh hoặc thú bệnh	VQ-5
3	Vit C Vetoquinol Inj	Ascorbic acid	Lọ	50ml, 100ml	Tăng sức đề kháng trên thú	VQ-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Stress-Vitam Inj	Vitamin A, D_3, E Vitamin B Complex, Acid amin	Lọ	50ml, 100ml	Bổ sung Vitamin va acid amin cho thú, hỗ trợ tăng trưởng	VQ-7
5	Biocolistine Inj	Ampicillin trihydrate, Colistine	Lọ	50; 100; 250ml	Trị bệnh gây ra bởi những vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistine	VQ-9
6	Avemix No 150	Sulphamethoxypy-ridazine Trimethoprim	Gói, hộp, bao	50, 100g, 1kg, 5kg, 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với S. methoxypyridazine, Trimethoprim	VQ-11
7	Amoxinsol 50	Amoxicillin	Gói, hộp	100; 150g; 1; 2,5; 5kg	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	VQ-13
8	Longamox	Amoxicillin	Lọ	100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	VQ-15
9	Longicine	Oxytetracycline	Lọ	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	VQ-16
10	Marbocyl Bolus 50mg	Marbofloxacin	Vỉ	6 viên (16 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-17
11	Marbocyl 2%	Marbofloxacin	Lọ	100ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-18
12	Marbocyl 10%	Marbofloxacin	Lọ	20ml; 50ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-19
13	Marbocyl 5mg	Marbofloxacin	Vỉ	10 viên (10 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Marbocyl 20mg	Marbofloxacin	Vỉ	10 viên (1 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-21
15	Marbocyl 80mg	Marbofloxacin	Vỉ	6 viên (2 vỉ/hộp)	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin	VQ-22
16	Tolfedine 4%	Tolfenamide acid	Lọ	10ml	Điều trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với hai hoạt chất trên	VQ-23
17	Diclomam	Ampicillin, Dicloxacillin	Tuýp	3g	Điều trị bệnh viêm vú, viêm tử cung trên bò	VQ-24
18	Vitamin B_{12} Vetoquinol	Vitamin B_{12}	Lọ	5ml (hộp 20 lọ)	Bổ sung vitamin B_{12}	VQ-25
19	Oridermyl	Neomycin, Nystatin	Tuýp	10g, 30g	Điều trị bệnh nấm tai, các bệnh nhiễm trùng tai	VQ-27
20	Sangavet	Diminazene diaceturate, Vitamine B_{12}, Antipyrin	Hộp, gói	2,36g (100 gói/hộp) 23,6g (10 gói/hộp)	Điều trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, dê, cừu	VQ-29
21	Phenylarthrite injectable	Phenylbutazone	Chai	100ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt	VQ-30
22	Tolfedine CS	Tolfenamic acid	Chai	50; 100ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt	VQ-31
23	Magnidazole Force	Albendazole	Vỉ	5 viên (10 vỉ/hộp)	Điều trị sán lá gan	VQ-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
24	Pen-Hista-Strep	Benzylpenicillin, Dihydrostrep-tomycine	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin	VQ-33
25	Oxytetracycline 10% Vetoquinol	Oxytetracycline	Chai	50; 100; 250ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	VQ-34
26	Doksy RW	Doxycycline	Gói, hộp	100; 500g; 1; 2,5kg	Trị viêm đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa trên heo, gà	VQ-35

7. Công ty Virbac

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amphoprim	Sulphadimethylpyri-midin, Trimethoprim	Chai	100ml	Phòng và trị tiêu chảy, nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng máu	VB-1
2	Coli-terravet	Oxytetracyclin, Colistin	Gói	100; 200g	Trị tiêu chảy, hô hấp, bệnh do E.coli	VB-2
3	Vitamino Solution	Vitamin, amino acid, minerals	Chai	500; 1000ml	Cung cấp acid amin, vitamin	VB-3
4	Injectavit	Vitamin	Chai	100ml	Cung cấp vitamin	VB-4
5	Tri-Alplucine	Josamycin, Trimethoprim	Gói	50; 100g	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, kích thích miễn dịch	VB-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Multibio	Ampicillin, Colistin, Dexamethason	Chai	20; 100, 250ml	Phòng, trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, MMA, bại huyết	VB-6
7	Terravet 10% Inj	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, MMA	VB-7
8	Diet-scour	Ampicillin, Colistin, Vit A, D_3	Gói	100g	Trị tiêu chảy trên heo con và bê	VB-8
9	Colistin 2 MUI/ml	Colistin	Chai	500ml	Phòng và trị các bệnh viêm ruột	VB-9
10	Vitamino P	Vitamin, amino acid, minerals	Gói	100; 150g; 1kg	Cung cấp acid amin, vitamin	VB-10
11	Vitaminthe	Oxybendazole, Niclosamide	Ống	5; 10; 25ml	Diệt nội ký sinh trùng cho chó, mèo	VB-12
12	Tonimix	Vitamin, chất khoáng tổng hợp	Gói	1; 5kg	Phòng, trị bệnh do thiếu dinh dưỡng	VB-13
13	Shotapen LA	Penicillin G, Dihydrostreptomycin	Chai	100, 250ml	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, MMA, nhiễm trùng huyết	VB-15
14	Oxomid-20	Oxolinic acid	Gói	50; 100g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do E.coli	VB-16
15	Alplucine Pig - Premix	Josamycin	Gói	1; 5; 25; 50kg	Phòng và trị Mycoplasma và kích thích miễn dịch	VB-17
16	Calgophos	Mineral, trace elements	Chai	1000ml	Bổ sung Canxi, phospho và khoáng	VB-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
17	Zoletil 50	Tiletamine base, Zolazepam	Lọ	5g	Gây mê trong thú y	VB-22
18	Zoletil 100	Tiletamine base, Zolazepam	Lọ	10g	Gây mê trong thú y	VB-23
19	Fencare 4%	Fenbendazole	Gói, hộp, xô	12,5; 100g; 1kg; 5kg	Phòng và trị giun sán	VB-29
20	Niratil 15% Inj	Levamisole	Lọ	100; 250; 500ml	Phòng và trị giun sán	VB-30
21	Rilexine 200 LC	Cephalexin	Ống bơm	10ml	Phòng và trị viêm vú cho bò sữa	VB-31
22	Trypazen	Diminazene aceturate	Gói	2,36; 23,6g	Phòng, trị ký sinh trùng đường máu	VB-32
23	Colipate	Colistin, sorbic acid	Chai	100ml	Phòng và trị tiêu chảy trên heo con, cừu con	VB-33
24	Trisulmix oral susp	Trimethoprim, Sulphadiazine	Chai	200ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulphadiazine	VB-34
25	Defencare Shampoo	Permethrim	Chai	200ml	Phòng và trị ve, bọ chét	VB-35
26	Virbamec 1%	Invermectin	Chai	50; 100ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	VB-36
27	Virbamax 1%	Abamectin	Chai	50; 100ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	VB-37
28	Preventic	Amitraz	Hộp	1 vòng	Phòng và trị ve cho chó	VB-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
29	Suramox 5% Premix	Amoxillin	Gói, hộp, bao	50; 100g; 1; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng huyết	VB-39
30	Suramox 50%	Amoxillin	Hộp, bao	1; 5; 25kg	Phòng và trị các bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng huyết	VB-40
31	Duowin	Pyiproxyfrene, Permethrine	Lọ	250; 500ml	Diệt ve và bọ chét trên chó	VB-43
32	Prequinix Colin No4	Spiramycin, Colistin	Gói, hộp, bao	50; 100g; 1; 25kg	Phòng và trị nhiễm trùng hô hấp	VB-45
33	Pulmodox PM 50%	Doxycillin	Gói	100g	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	VB-47
34	Virbamec LA	Ivermectin	Lọ, chai	50; 200; 500ml; 1 lít	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	VB-48
35	Maxflor	Florfenicol	Lọ	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	VB-49
36	Thelmizole 15% Inj	Levamisole	Chai	100ml	Trị giun sán	AV-1
37	Gammaferon Inj	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Trị bệnh thiếu sắt	AV-2
38	Aminovitol Fort (B Complex)	Acid amin, Vitamin, khoáng, Methionin	Chai	100ml	Cung cấp vitamin, acid amin, khoáng	AV-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
39	Oxytetracycline 10%Inj	Oxytetracycline	Chai	100ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	AV-6
40	Biotec	Spiramycin, Colistin	Chai	100ml	Phòng, trị viêm nhiễm đường hô hấp	AV-8
41	Avicoc	Sulfadimidine, Diveridine	Gói	200g	Phòng và trị bệnh cầu trùng	AV-11
42	Streptapen Inj	Penicllin, Streptomycin	Chai	100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, MMA, bại huyết	AV-15
43	Exotral	Niclosamide, Levamisole	Hộp	12 viên	Trị giun sán cho chó, mèo	AV-17
44	Parasitec Plus Inj	Levamisole	Chai	50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng	AV-20
45	Toselen Aviaire	Vitamin E, Sodium selenite	Gói	100g	Cung cấp vitamin E, Selenium	AV-23
46	Vitavit 500	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Cung cấp các vitamin	AV-24
47	Complex Vitamin B Inj	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, C, K_3, PP	Chai	100ml	Cung cấp các vitamin nhóm B	AV-25
48	Citius 1%	Ceftiofur chlohidrate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp ở lợn và bò	VB-50
49	Citius 5%	Ceftiofur chlohidrate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp ở lợn và bò	VB-51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
50	Amphoprim bolus	Sulphamethoxypyri-dazine, Trimethoprim	Hộp	20; 100 viên (10 viên/vỉ)	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphamethoxypyridazine, Trimetho-prim gây ra cho bê	VB-52
51	Invemox 15% LA	Amo	Chai	50; 100; 250ml	Tri bệnh do VK nhạy cảm với Enrofloxacin cho bò, cừu, dê, lợn	VB-54
52	Fortius L.A	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, nhiễm trùng máu, viêm da, viêm tuyến vú trên bò, dê, cừu, lợn	VB-57
53	Endogard 10	Febantel, Pyrantel, Praziquantel, Ivermectin	Viên	900mg	Trị giun tròn, sán giây và ký sinh trùng máu trên chó	VB-58
54	Shotcox	Toltrazuril	Lọ	100; 200; 500ml; 1; 2; 5; 10; 100; 1000l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gà	VB-59
55	Dexoryl	Gentamicin sulfate	Lọ	10g	Trị viêm tai ngoài trên chó, mèo	VB-60
56	Suramox 25% PMX	Amoxicillin	Gói, Bao	100; 200; 500g; 1; 1,5; 3; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp, viêm khớp, nhiễm trùng trên heo	VB-62
57	Suramox 50% OSP	Amoxicillin	Gói, Bao	100; 200; 500g; 1; 1,5; 3; 5; 10; 25kg	Trị viêm nhiễm hô hấp, tiết niệu, viêm màng não, viêm khớp, nhiễm trùng da, nhiễm trùng máu, hồng lỵ	VB-63

8. Công ty Adisseo

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Microvit B_{12} Promix 10000	Vitamin B_{12}	Thùng, bao	5; 20; 25 kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Pháp	ADSF-01
2	Hydrovit A D_3 E 100-10-40	Vitamin A, D_3, E	Thùng, chai	1; 5; 25; 200 lít	Bổ sung Vitamin A, D_3, E	Pháp	ADSF-02
3	Microvit E Oil Acetate FG	Vitamin E	Thùng	25; 50; 200 kg	Bổ sung Vitmin E	Pháp	ADSF-03
4	Microvit A Supra 1000	Vitamine A	Bao	25; 500 kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-27
5	Microvit $^{TM}AD_3$ Supra 1000-200	Vitamin A, D_3	Bao	25; 500kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	Pháp	ADSF-28
6	Microvit K3 Promix MPB	Vitamin K_3	Bao	25kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	Pháp, Ý	ADSF-29
7	Microvit A Supra 500	Vitamin A	Bao	25; 500 kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-67
8	Microvit A Prosol 500	Vitamin A	Thùng	20 kg	Bổ sung Vitamin A	Pháp	ADSF-68
9	Microvit D_3 Prosol 500	Vitamin D_3	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin D_3	Pháp - Hà Lan	ADSF-70
10	Microvit A D_3 Supra 500-100	Vitamin A, D_3	Bao	25 kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	Pháp	ADSF-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
11	Microvit E Prosol 50	Vitamin E	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-72
12	Microvit E Promix 50	Vitamin E	Bao	25; 500 kg	Bổ sung Vitamin E	Pháp	ADSF-73
13	Microvit B_{12} Promix 1000	Vitamin B_{12}	Bao	25 kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Pháp	ADSF-74
14	Microvit B_{12} Prosol 1000	Vitamin B_{12}	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Pháp	ADSF-75
15	Microvit ^{TM}H Promix Biotin 2%	Vitamin H	Bao, thùng	5; 25 kg	Bổ sung Vitamin H	Pháp	ADSF-76
16	Microvit^{TM} B_1 Promix Thiamin Mono	Vitamin B_1	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B_1	Pháp - Đức	ADSF-77
17	Microvit B_2 Supra 80	Vitamin B_2	Thùng, bao	25 kg 20kg	Bổ sung Vitamin B_2	Pháp, Mỹ, Đức	ADSF-78
18	Microvit ^{TM} B_6 Promix Pyridoxine	Vitamin B_6	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B_6	Pháp, Đức, Trung Quốc	ADSF-79
19	Microvit ^{TM} B_9 Promix Folic Acid	Vitamin B_9	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B_9	Pháp, Nhật, Trung Quốc	ADSF-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
20	Microvit $^{TM}B_3$ Promix Niacin	Vitamin B_3	Bao	25 kg	Bổ sung Vitamin B_3	Pháp, Thụy Sỹ, Trung Quốc	ADSF-81
21	Hetrazeen Vitamin K_3	Vitamin K_3	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin K_3	Pháp, Ireland	ADSF-82
22	Hetrazeen S Vitamin K_3	Vitamin K_3	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin K_3	Pháp, Ireland	ADSF-83
23	Microvit B_5 Promix D-Calpan	Vitamin B_5	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitamin B_5	Pháp, Đức, Nhật, Trung Quốc	ADSF-84
24	Microvit A Oil Propionate EP/USP	Vitamin A	Thùng	25; 200 kg	Bổ sung Vitmin A	Pháp	ADSF-86
25	Microvit E Oil Acetate EP/USP	Vitamin E	Thùng	25 kg	Bổ sung Vitmin E	Pháp	ADSF-87
26	Hydrovit A D_3 E 100-20-20	Vitamin A, D_3, E	Chai, thùng	1; 5; 25; 200 lít	Bổ sung Vitamin A, D_3, E	Pháp	ADSF-88
27	Rhodimet NP 99	DL-methionin	Bao	25; 1000 kg	Bổ sung Methionin	Pháp	ADSF-89
28	Rhodimet AT 88	DL-2-hydroxy-4-methylthio-butanoic	Thùng	250; 1150 kg	Bổ sung Methionin	Pháp - Tây Ban Nha	ADSF-90

9. Công ty Laboratories Biové

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	2S	Sulfadimidine, Spriamycine	Gói, hộp	1; 5kg	Phòng, trị các bệnh đường hô hấp	BIOVE-1
2	Athricidine	Phenylbutazone	Lọ	100; 250ml	Trị nhiễm trùng, viêm khớp, thấp khớp, viêm cơ tim,...	BIOVE-2
3	Biorepas	Colistin	Gói, hộp	100g	Trị bệnh do VK nhạy cảm với Colistin	BIOVE-3
4	Bioveine Gluconate de Calcium	Calcium, Magnesium	Lọ	250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Calcium, Magnesium	BIOVE-4
5	Colampi I	Colistin, Ampicillin	Lọ, chai	150; 250ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Ampicillin	BIOVE-5
6	Inoxyl Soluble powder	Oxolinic acid	Gói, hộp	100g; 1; 5; 20kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxolinic acid	BIOVE-6
7	Inoxyl Premix 24%	Oxolinic acid	Gói, hộp	1; 5; 20kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxolinic acid	BIOVE-7
8	Neoxyne	Neomycin	Gói, hộp	100g; 1; 4kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin	BIOVE-8
9	Polyviteda	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, C, K_3, PP	Lọ	100; 250ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	BIOVE-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	Dextropirine 50	Acetyl Salicylic acid	Túi, gói	100g; 1kg	Tác dụng hạ sốt bê	BIOVE-13
11	Mammitel	Colistin, Cloxacillin	Bơm tiêm	10ml (hộp 18 bơm tiêm)	Điều trị viêm vú, sưng vú	BIOVE-14
12	Bioveine Calcium G.M.C Inj	Calcium, Magnesium	Lọ, chai	250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Calcium, Magnesium	BIOVE-15
13	Acti coli B	Colistin	Gói, túi	100g; 1kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, tiêu chảy	BIOVE-18
14	Colampi B	Colistin, Ampicillin	Gói, túi	150g; 1kg	Trị viêm phế quản và các bệnh đường hô hấp	BIOVE-19
15	Primazine	Sulfamethoxypy-ridazine	Lọ, chai	100; 250ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxypyridazine	BIOVE-21
16	Acti Tetra B	Oxytetracycline	Gói, túi	100g; 1kg; 5kg	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa và sưng mũi	BIOVE-22
17	Trivitase	Vitamin A, D_3, E	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D, E	BIOVE-23
18	Bio-Pulmone	Diprophyline, Tepine, Turpentin	Lọ, chai	100; 250ml	Điều trị các bệnh phổi	BIOVE-24

10. Công ty Evialis (Franvet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxy 5	Doxycillin	Thùng	1; 5kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycillin	FRAN-1
2	Biotivit	Vitamin A, C, E, K_3, B_1, Lysine HCL, Methionine	Hộp	1; 5kg	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin và axit amin	FRAN-2
3	AD_3E-Hydrosol	Vitamin A, D_3, E	Can	1; 5 lít	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin trong giai đoạn cai sữa	FRAN-3
4	B-Maxaviaire	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP, H, tiền axit folic	Lọ	100; 500ml	Điều trị các bệnh do thiếu vitamin	FRAN-4
5	Carnitol	Sorbitol, Camitine hydrochloride	Can	1; 5 lít	Bổ sung dinh dưỡng cho gia súc, gia cầm	FRAN-5

11. Công ty Laboratoire Biard

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Biaverm	Niclosamide, Levamisole hydrochlorate	Hộp	12 viên	Thuốc tẩy giun và sán	BA-02
2	Biaprim (Oral Sol)	Sodium sulfamethoxine, Trimethoprim	Chai	125; 250ml, 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh tiêu chảy cho heo và gia cầm	BA-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Sodibio	Ampicillin, Colistine, Dexamethasone	Chai	100ml, 250ml	Trị các chứng viêm nhiễm cấp tính	BA-04
4	Pneumobiotique	Spiramycine, Oxytetracycline,	Gói, bao	100; 300; 3kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn ở phổi	BA-05
5	Anthelminticide 15%	Levamisole hydrochlorate	Chai	100; 250ml	Thuốc tẩy giun	BA-10
6	Sodistrep	Erythromycine, Dihydrostreptomycine	Chai	100; 250ml	Trị các bệnh do nhiễm vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	BA-12
7	Biaminthic 5% Oral	Levamisole hydrochlorate	Chai, thùng	250ml, 1; 5 lít	Thuốc tẩy giun	BA-13
8	Sodiazole (Oral Sol)	Levamisole, Bothionol sulfoxide	Chai, thùng	80ml, 1; 5 lít	Thuốc tẩy giun	BA-14
9	Sodiazot (Oral Sol)	L Lysine HCl, Sorbitol, chất chiết xuất từ thảo dược	Chai, thùng	100; 250ml, 1; 5 lít	Điều hòa gan	BA-16
10	Biamycine 20%	Oxytetracycline	Chai	20; 100; 250ml	Thuốc kháng sinh	BA-18
11	Sodicoc (Oral Sol)	Sodium sulfaquinoxaline, Pyrimethamine	Thùng	1; 5 lít	Trị bệnh cầu trùng ở gia cầm và thỏ	BA-19

12. Công ty Inouko Geneics

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Inoxel	Ceftiofur	Lọ	1; 4g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, lợn; Trị nhiễm trùng do E.coli, Staphylococcus gây ra trên gà con	ING-1
2	Ivermectine 1%	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Phòng trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, lạc đà	ING-2
3	Oxytetra 20% LA	Oxytetracycline	Chai	50; 100ml	Trị viêm phổi, màng phổi, sinh dục, tiết niệu, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo	ING-3

13. Công ty Coophavet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cofamox 15 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò	COO-1

14. Công ty Qalian

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Bicalphos	Phosphorus, Calcium, Sodium, Magnesium, Zinc, Iron, Manganese, Copper	Can	1; 5; 20l	Bổ sung dinh dưỡng trong thời kỳ động dục và sinh sản	LFR-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Vitabioti	Vitamin A, D_3, B_1, K_3, E, Biotin	Can	1; 5l	Giúp lên giống, tăng trưởng nhanh, bảo vệ da, cải thiện chất lượng lông trên gia súc, gia cầm	LFR-02

PARKISTAN

1. Công ty Star Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Alvenax-15% Drench	Albendazole	Chai, Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị ký sinh trùng như: giun tròn, sán lá gan, giun phổi trên gia súc	SLP- 1
2	Almox - 15% LA Injection	Amoxicillin	Chai, Bình	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng da và mô mềm gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin trên trâu, bò, dê cừu, lợn, chó, mèo	SLP-2
3	Ceriflox-10% Injection	Enrofloxacin	Chai, Bình	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do E.coli, thương hàn, *Mycoplasma spp, pneumonia spp* trên trâu bò, dê cừu, lợn, gia cầm	SLP-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Gentalin-10 Injection	Gentamicin sulphate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycine như: nhiễm trùng đường tiết niệu, sinh dục, đường hô hấp, đường tiêu hóa, da và mô, tử cung trên trâu, bò, ngựa, bê, nghé, dê, cừu, lợn, chó, mèo và gia cầm	SLP-4
5	Oxyline-20% Powder	Oxytetracycline HCL	Gói, hộp, xô	100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị CRD, viêm xoang, viêm mũi, viêm phổi trên lợn, gia cầm	SLP-5
6	Trisolizin Injection	Sulphadiazine Trimethoprim	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, Salmonellosis, colibacillosis, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm da trên trâu, bò, lợn và gia cầm	SLP-6
7	Trisolizin Oral suspension	Trimethoprim Sulphadiazine	Bình, chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản, Salmonellosis, colibacillosis, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm da trên trâu, bò, lợn và gia cầm	SLP-7
8	Tylomac-20 Injection	Tylosin Tartrate	Chai, lọ	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, kiết lỵ, viêm khớp, viêm vú, viêm nội mạc tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	SLP-8

ITALY

1. Công ty Ascor Chimici S.R.L (Italy)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamina C 50% Coated line	Vitamin C	Gói, bao, thùng	100gr; 25kg	Bổ sung vitamin C	ACC-1
2	Naquilene 500 WS	Flumequine	Gói, hộp	100gr; 500 gr; 1 kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr (-) cho gia súc, gia cầm	ACC-2
3	Naquilene 100 WS	Flumequine	Gói, hộp	100gr; 500 gr, 1 kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-) cho gia súc, gia cầm	ACC-3
4	Naquilene 200 L	Flumequine	Gói,hộp	100 gr; 500, 1kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-) cho gia súc, gia cầm	ACC-4
5	Spectyl Inj	Lincomycine Spectinomycine	Lọ	100 ml	Phòng các bệnh do E Coli gây ra và nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc	ACC-6

2. Công ty Gelilini International S.R.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gardal 10%	Glycerol, Benzoic acid, Potassium sorbate	Bình	1; 1,25 lít	Điều trị bệnh giun tròn, sán dây, giun phổi, sán lá ở trâu, bò, cừu	GII-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Colimicin	Colistin sulphate	Gói	100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với colisitin	GII-02
3	Cistrynol	(+)-Cloprostenol	Lọ	15ml	Điều trị rối loạn sinh sản do tồn thể vàng, kích thích động dục	GII-03
4	Engemycin Spray	Oxytetracycline	Bình	200ml	Điều trị vết thương ở trâu, bò, cừu và lợn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline	GII-04
5	Finamast	Cefalexin benzathine, Cefalexin monohydrate	Syringe	5g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Cefalexin ở vú bò	GII-05
6	Gentagil Fortius	Gentamicin sulphate	Chai	250; 500ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu,...	GII-06

3. Công ty Sintofarm S.P.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin sulfate 10% (Colistina solfato 10%)	Colistin sulfate	Túi, bao	100; 500g; 1; 25kg	Điều trị các bệnh đường ruột ở gia súc, gia cầm	STFY-1

4. Công ty Chemifarm S.P.A.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfametazina 20%	Sulphamethazine	Gói	1kg	Trị bệnh do vi khuẩn gây ra trên lợn	CSI-1
2	Colistina Solfato 12%	Colistin	Chai	1 lít	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn gây ra trên trâu, bò, lợn, gà, thỏ	CSI-2
3	Trimetoprim 40-Sulfadimetossina 200	Trimethoprim Sulfadimethoxine	Chai	1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn gây ra trên gà thịt, gà tây, thỏ	CSI-3
4	Anprotiazolo 200	Formylsulphathiazole	Bao	25kg	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn gây ra trên lợn, thỏ	CSI-4
5	Flumechina 50%	Flumequine	Chai	1 lít	Trị bệnh do trực khuẩn coli, thương hàn và THT	CSI-5
6	Tiam-Oxi Premix	Tiamulin Oxytetracycline	Bao	25kg	Trị bệnh do mycoplasma, viêm phổi - màng phổi, viêm ruột trên lợn	CSI-6

5. Công ty Industria Italiana Integratori Trei S.p.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxiphan Mix 100	Doxycycline hyclate	Bao	25 kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, hội chứng MMA do vi khuẩn gây ra trên lợn	IIT-1

SINGAPORE

1. Công ty Diasham Resources PTE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nopstress with electrolytes	Vitamin A, D_3, E, B_6, B_{12}, K, C, Menadione sodium bisulfite	Gói, túi	100; 150g; 1kg	Bổ sung vitamin và chất điện giải	DSRS-01
2	Quadrex	Vitamin A, B_1, B_3, B_{12}, D_3, E, K, PP, Neomycin, Cu	Gói	100; 430g	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn, bổ sung vitamin, vi lượng	DSRS-02
3	Diacoxin 5%	Toltrazuril	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên lợn con	DSRS-03

2. Công ty Zagro Singapore PTE

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Koccimycin 6%	Salinomycin	Bao	25kg	Phòng bệnh cầu trùng	ZEL-1
2	CSP 250 Plus	Sulfadimidine, Chlortetracillin	Bao	25kg	Điều trị bệnh thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi,...	ZEL-2
3	Sultrimix Plus	Trimethoprim	Gói	50; 250; 100g; 180g; 1; 2; 5kg	Bệnh thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi, phế quản	ZEL-4

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Anasol	Vitamin tổng hợp	Gói	100; 500g; 1kg	Chống stress, cung cấp Vitamin, khoáng	ZEL-5
5	Nexymix	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	100g	Bệnh thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng máu, CRD, viêm phổi, phế quản	ZEL-6
6	Amilyte	Vitamin, điện giải	Gói	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Cung cấp Vitamin và các chất điện giải	ZEL-7
7	Tyloguard	Tylosin	Gói, Thùng	50; 100; 180; 250; 500g; 1; 2; 5; 8; 25kg	Trị các bệnh đường hô hấp, hồng lỵ	ZEL-8
8	Eryguard 200	Erythomycin	Gói	100; 500g; 1; 8kg	Nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi	ZEL-9
9	Agimycin 10%	Chlotetracyclin	Bao	25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên gia súc, gia cầm	ZEL-10
10	Biotin 2 %	Vitamin H	Bao	1kg, 5kg	Cung cấp vita H, trị bệnh về lông, da	ZEL-15
11	Cholin Chloride	Cholin chloride	Bao	25kg	Cung cấp acid amin thiết yếu	ZEL-16
12	Vitamin E 50%	Vitamin E	Bao	1; 5; 20kg	Cung cấp vitamin E	ZEL-18
13	Tiazin 80% Coated	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	100; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây ra trên heo, gà	ZEL-19
14	Tiazin	Tiamulin hydrogen furmarate	Bao	100; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gây ra ở heo và gà	ZEL-20
15	Zazacron	Azamethiphos	Bao	200; 500g; 1kg	Thuốc diệt ruồi và gián	ZEL-21
16	Zazafly	Azamethiphos	Bao	50; 500g; 1kg	Thuốc diệt ruồi và gián	ZEL-22

TÂY BAN NHA (SPAIN)

1. Công ty Cenavisa S.A Laboratorios

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cenamicina 10 Plus	Enrofloxacine	Chai	50; 100; 250 ml	Phòng, trị các bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-1
2	Vitacen AD_3E Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	50; 100; 250; 500ml	Bổ sung Vitamin A, D_3, E	CLS-2
3	E-Flox Oral Solution	Enrofloxacine	Chai, bình	100; 250; 500 ml; 1; 5; 25 lít	Phòng, trị các bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-3
4	Cenamicina Plus	Enrofloxacine	Chai	50; 100; 250ml	Phòng, trị bệnh đường ruột và hô hấp	CLS-5
5	Combecen Inj	Vit B_1, B_2, B_3, B_6, B_{12}	Chai	50; 100; 250; 500ml	Bổ sung Vitamin B, B_2, B_3, B_6, B_{12}	CLS-6
6	Amoxycen 200 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	50; 100; 250ml	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, đường niệu, da và mô mềm	CLS-7
7	Oxycen 200 LA	Oxytetracycline	Chai	50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm đường tiết niệu, các bệnh về da và nhiễm trùng do phẫu thuật gây ra trên gia súc	CLS-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Ivercen 10	Ivermectin	Chai	50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị giun tròn, giun cơ, giun bao, các loại giòi, chấy rận, ve, bọ chét, ghẻ trên gia súc	CLS-9
9	Ferrocen 20	Dextran Iron	Chai	50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở động vật non do thiếu sắt	CLS-10

2. Công ty Laboratories Hipra S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tyloprim Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị viêm phổi, khí phế quản	HP-2
2	Vermipra Inj	Levamisole	Lọ	50ml	Trị nội ký sinh trùng	HP-6
3	Pederipra Spray	Chotetramycine	Lọ	100; 200; 270ml		HP-8
4	Gentamox Inj	Amoxicillin, Gentamicin	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	HP-10
5	Hiprasulfa-TS Inj	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột	HP-11
6	Oxipra-10 Inj	Oxytetracyclin	Chai	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột	HP-13
7	Hipralona Enro-1	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị tiêu chảy, CRD	HP-14
8	Hipravit - AD_3E Forte	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin A, D_3, E	HP-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Hipravit - AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Lọ, chai	100ml; 1 lít	Bổ sung vitamin A, D_3, E	HP-22
10	Hipravit - T	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_5, B_6	Lọ, chai	100ml; 1 lít	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	HP-23
11	Hipralona Enro-S	Enrofloxacin	Lọ, chai	100ml; 1 lít; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	HP-24
12	Federipra spray	Chlotetracyclin HCL	Chai	270ml	Trị nhiễm trùng móng, vết thương phẫu thuật, vết thương ở da	HP-29
13	Ferrohipra-200	Sắt (Fe)	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt	HP-30
14	Hipramox-P	Amoxicillin	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng do Staphylo-coccus spp và E.coli trên gà, heo	HP-31
15	Eficur	Ceftiofur	Chai	50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HP-32
16	Hipradoxi-S	Doxycycline	Chai	1; 5l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo, gà	HP-33
17	Selectan	Florfenicol	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	HP-34
18	Equilibrium	Vitamin A; D_3; E; B_6; B_5; L-threonine; D,L Methionine; L Lysin; L Valine; L-Histidine; L-Arginine; Isoleucine; Leucine; Phenylanine	Chai	100 ml; 1; 5 lít	Trị bệnh do thiếu Vitamin	HP-46

3. Công ty S.P Veterinaria, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampifur	Ampicillin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột	SPV-1
2	Colimicia Complex	Tylosin, Colistin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-2
3	Eriprim	Tylosin, Sulfafurazol	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-3
4	Hidro Rex Vital Aminoacidos	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Methionin, Lysin	Chai	250; 500ml; 1 lít	Cung cấp các vitamin và acid amin thiết yếu	SPV-5
5	Ironvex Inj	Iron detran	Chai	100ml	Cung cấp sắt	SPV-6
6	Quinolone-N20	Norfloxacin	Chai	100; 250ml	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-7
7	Tetravex Plus Inj	Tetracyclin	Chai	100, 250ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-8
8	Toscalm	Tylosin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-9
9	Toscalm Inj	Tylosin	Chai	20; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-10
10	Avicilina Super	Ampicillin	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Điều trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-11
11	Coccirex	Sulphaquinoxalin, Pyrimetharine	Chai	250; 500ml; 1 lít	Đặc trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	SPV-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Colmyc-E	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-13
13	Inectil Inj	Tylosin	Chai	20; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-15
14	Antidiarex	Sulfadimidine, Tetracyclin	Chai	100; 200ml; 1 lít	Điều trị bệnh đường ruột	SPV-16
15	Mastivex-1	Cloxacillin, Framycetin	Syringe	10g	Điều trị bệnh viêm vú ở bò	SPV-18
16	Dimetricin Inj	Erythromycin	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-19
17	Revefos Inj	Ethanol-B-aminophosphoric acid, Propionic acid	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Giúp phục hồi và chống suy nhược, gia tăng tiết sữa	SPV-22
18	Septibron TCD Inj	Tylosin, Tetracyclin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-23
19	Colimutina Inj	Tiamulin, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Điều trị bệnh đường hô hấp	SPV-25
20	Comyc-E Inj	Enrofloxacin	Chai	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-26
21	Rex vital Aminoacids	Vitamin A, B_5, C, K_3, PP, Methionin, Lysin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Cung cấp các acid amin và các vitamin thiết yếu	SPV-27
22	Rex Vitamino	Vitamin A, B_5, C, K_3, PP, Methionin, Lysin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Cung cấp các acid amin và các vitamin thiết yếu	SPV-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
23	Supper egg formula plus	Vitamin B_2, C, D_3, K_3, Oxytetracyclin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Tăng năng suất trứng gia cầm	SPV-28
24	Ampi Coli SP	Ampicillin, Colistin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	SPV-29
25	Ampi Coli fort SP	Ampicillin, Colistin	Gói, bao	100; 500g; 1; 25kg	Trị bệnh đường ruột, đường hô hấp	SPV-30
26	Vitaject AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250ml	Cung cấp vitamin A, D, E	SPV-31

4. Công ty Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Fluquin	Enrofloxacin, Potsasium hydroxide	Chai, thùng	20; 20; 25; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít; 2; 5; 10; 20; 25; 50; 100; 200 lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy, viêm phổi	IQF-2

5. Công ty Tav Veterinaria S.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tavet Enrofloxacina 10%	Enrofloxacin, Benzyl alcohol	Chai, can	100; 50ml; 1 lít; 5 lít	Điều trị các bệnh do E.coli, Samonella, Mycoplama, tụ huyết trùng ở gia cầm	TAV-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Tavet Doxycyclina 10%	Doxycycline (hyclate), Acetyl salicylic axit, Bromhexine HCL	Lọ, chai, can	100ml; 1 lít; 5 lít	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Mycoplasma	TAV-02
3	Tavet Enrofloxacina 5%	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị viêm phổi, cuống phổi, do Mycoplama ở trâu, bò; bệnh do E.coli, Salmonella ở lợn; bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở chó	TAV-03
4	Tavet Oxytetracyclina 200 L.A	Oxytetracycline	Chai	10; 50; 100; 250ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm dạ dày, viêm tử cung, viêm vú	TAV-04
5	Amoxi - TAV 15% L.A.	Amoxicillin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	TAV-05
6	Tavet - Cefalecina + Gentamicina	Cephalexin monohydrate, Gentamicin sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh viêm vú, bệnh ở bò, cừu và dê do E.coli, Klebsiella, Pseudomonas, streptococcus, staphylococcus,..	TAV-06
7	VIT-Amino	Vitamin A, D_3, B_1, B_2, B_6, C, K_3, Methionine, Lysine, Tritropan	Hộp, bao	100g; 1kg; 5; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, axit amin cần thiết, phục hồi sức khỏe	TAV-07

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Stress lyte plus	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, D_3, E, K_2, muối Ca, Fe, Mn, Cu, Mg	Hộp	1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng	TAV-09
9	Fostonic	Butaphosphan; vitamin B_{12}	Chai	100ml	Trị rối loạn phát triển và chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	TAV-10
10	Tavet hierro 10%	Fe; Coban; Vitamin B_{12}	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, tăng sức đề kháng trên lợn con, cừu con và bê con	TAV-11
11	Calci Plus	Ca; Zn; Mg; Mn; Cu	Chai	1; 5 lít	Bổ sung canxi	TAV-12
12	Energy Plus	Triglycerides, sắt	Chai	100ml	Tăng cường sức đề kháng ở gia súc non	TAV-13
13	Stress Forte	Vit A; D_3; E; B_1; B_2; B_6; B_{12}; K_3; C; folic; nicotinic; biotin; cholin; pantothetic; methionin, lýin; arginine; valin; leucin; isoleucin; threonin; phenylalanin; triptophan; histidine	Chai	100; 500ml; 1; 5 lít	Giảm stress; hỗ trợ điều trị bằng kháng sinh	TAV-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Metiositol	Methionine, Carnitine, Choline, Mg, Sorbitol, Atiso	Chai	100ml; 1; 5 lít	Trị gan nhiễm mỡ, tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh lâu dài	TAV-15

6. Công ty Invesa International S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ganadexil Enrofloxacina 5%	Enrofloxacin 5%	Chai	100; 250; 1000ml	Trị viêm phế quản	IIS-1
2	Ganadexil Enrofloxacina 10%	Enrofloxacin 10%	Chai	100; 250ml; 1000; 5000ml	Trị thương hàn	IIS-2
3	Hierrodexina	Vitamina B_{12}	Chai	100ml	Trị thiếu máu, bổ sung chất sắt	IIS-3
4	Levamisol 100	Levamisol HCL	Chai	250, 500, 1000ml	Trị bệnh hô hấp	IIS-4
5	Zinaprim Inj	Sulfametacina Trimetoprim	Chai	10; 40; 100; 250; 500; 1000ml	Trị đường ruột, nhiễm trùng máu	IIS-5
6	Vitamina AD_3E Inj	VitaminA, D_3, E	Chai	10; 40; 100; 250; 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-8
7	Zinaprim (Oral Powder)	Sulfamethazine, Trimethoprim	Bao	100; 200g; 500g; 1kg; 5kg; 10kg	Trị viêm phổi, cầu trùng	IIS-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Tilosina 200 Ganadexil Inj	Tylosin	Chai	10; 40; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh hô hấp	IIS-10
9	Multivit	Vitamina A, D, E, K, B_1, B_2, B_6, PP	Chai	50; 100; 250ml 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-11
10	Ganaminovit (Oral Powder)	VitaminA, D_3, B_1, B_2, B_6, C, K_3 và khoáng chất	Bao	100; 200; 500g; 1kg; 5kg; 10kg	Trị suy dinh dưỡng, thiếu máu	IIS-12
11	Chicktonic (Oral Solution)	Vitamin A, D_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, K_3, khoáng chất	Chai	10; 40; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Tăng sức đề kháng	IIS-13
12	Ampidona (Oral Soluble Powder)	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Gói	100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng trị bệnh tiêu chảy ở lợn	IIS-14
13	Coloxyvit (Oral Powder)	Oxytetracyclin, Colistin, Riboflovin, Niacidamine, Vit A, D_3, K, E, B_{12}	Gói	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng trị bệnh tiêu chảy ở lợn	IIS-15
14	Invemox 15% LA	Amoxicilline (trihydrate), Butylated	Chai	10; 50,100; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline gây ra cho trâu, bò, cừu, heo, chó, mèo	IIS-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
		hydroxytoluen, Benzyl alcokol, A.monostearate				
15	Promectine	Ivemectine	Chai	10; 50,100; 500ml	Trị nội và ngoại ký sinh trùng cho trâu, bò, cừu và heo	IIS-17
16	Oxitetraciclina 200LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm dạ dày ruột, viêm vú, tử cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu	IIS-18
17	Betamint	Betain, Vit C, Potassium chloride, Sodium chloride, Magne chloride hexahydrated, Calcium chloride dihydrated	Chai, Can	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Chống triệu chứng stress do nhiệt trên lợn, gia cầm	IIS-19
18	Orondo Spay	Chlortetracycline	Bình	250ml	Trị nhiễm trùng bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Chlorte-tracycline gây ra	IIS-20
19	Penbex	Penicicline G procaine, Dihydrostreptomycine sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Penicicline và streptomycine	IIS-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
20	Energyn	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250ml	Dùng cho heo con còi cọc, nhỏ khi mới sinh không thể bú sữa đầu do cạnh tranh trong bầy và lạnh	IIS-22
21	Hepavex 200	Sorbitol, Methionine, Choline Chloride, Magnesium sulfate L-Carnitine HCL	Chai	1; 5 lít	Trị gan nhiễm mỡ, tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh hoặc ký sinh trùng	IIS-23
22	Complejo B Invesa	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, B_{12}, chất chiết gan, Dexpantenol	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng, trị thiếu hụt vitamin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu. Chống stress	IIS-24
23	Doxinyl	Doxycycline hyclate	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyc-line trên lợn, gia cầm	IIS-25

7. Công ty Mevet, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrovall	Enrofloxacin base	Chai Lọ	100 ml 1000 ml	Phòng và trị bệnh do Mycoplasma, tụ huyết trùng,... ở gia súc, gia cầm	MV-1

8. Công ty Laboratorios Syva S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Mamifort	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Ống	10ml	Trị viêm vú ở trâu, bò, dê, cừu	SYVAS-1
2	Syvaquinol 10% Oral	Enrofloxacin	Chai	100, 500, 1000ml; 5 l	Điều trị bệnh do E.coli, Salmonella,...	SYVAS-2
3	Syvaquinol 100 Inje	Enrofloxacin	Chai	20, 50, 100, 250ml	Điều trị bệnh do E.coli, Salmonella,...	SYVAS-3
4	Colisin	Ampicillin trihydrate, Colistin sodium	Chai	10, 50, 1000ml	Điều trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin	SYVAS-4
5	Forticlina Retard	Oxytetracycline, Magnesium oxide, Polyvinylpirrolidone, 2- Oxypyrrolidone, Sodium formaldehyde sulfoxylate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	SYVAS-5
6	Amoxoil Retard	Amoxicillin trihydrate	Chai	10; 25; 50; 100; 250ml	Trị các nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên bò, cừu, lợn, chó, mèo	SYVAS-6
7	Dextrafer Complex	Dextran Fe, Gluconate Cu, Gluconate Cobalt, Vitamin B_{12}	Chai	10; 50; 100ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, cừu con, dê con	SYVAS-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Flumesyva Liquid 20%	Flumequin	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin gây ra trên bò, cừu, dê, heo, gia cầm	SYVAS-8
9	Vit- ADE	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin A, D, E trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, chó, mèo	SYVAS-9
10	Mamifort Secado	Ampicillin trihydrate, Cloxacillin enzathine	Syringe	8g	Trị viêm vú do vi khuẩn trên bò sữa trong giai đoạn không tiết sữa	SYVAS-10
11	Neuxyn 5%	Flunixin	Chai	50; 100ml	Trị viêm kết hợp với bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với sự biến đổi của cơ xương, trị MMA trên trâu, bò, ngựa, heo	SYVAS-11

9. Công ty Laboratorios Calier, S.A.

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cloxacum	Cloxacillin	Hộp	200 ống	Phòng và trị bệnh viêm vú cho bò sữa trong giai đoạn không cho sữa	CALIER-1
2	Cloxambiotic	Cloxacillin, Ampicillin	Hộp	200 ống	Phòng và trị bệnh viêm vú cho bò sữa trong giai đoạn không cho sữa	CALIER-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Roxacin Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	CALIER-3
4	Roxacin Injectable	Enrofloxacin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	CALIER-4
5	Vitamin Forte	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu vitamin	CALIER-5
6	Roborante Calier	Calcium phosphorylcholine chloride, Casein peptides, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Tăng cường biến dưỡng, hồi phục sau khi bệnh, khi sinh sản	CALIER-6
7	Septo-skin	Oxytetracycline, Patent Blue	Chai	200; 270ml	Chống nhiễm trùng ở vết thương	CALIER-7
8	Espes	Benzylpenicillin procain, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin gây ra	CALIER-8
9	Calcio Calier Fort	Calcium borogluconate, Megnesium chloride, Magnesium hypophosphite, Sodium methyl p - hydroxybenzoate	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Calci và Phospho ở bò	CALIER-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	Ivertin	Ivermectin, Benzyl alcohol	Chai	50;100;250m	Trị bệnh do giun tròn gây ra ở bò	CALIER-12
11	Complejo B-8 Injectable	Thiamin HCL, Riboflavin sodium phosphate, Pyridoxine HCL, Nicotinamide, D-panthenol, Cyanocobalamine, D-biotin	Chai	100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B, trị các triệu chứng thần kinh, bại liệt,...	CALIER-14
12	Ovo-Stark Complex	Vitamin A, D_3, E, C, Magnesium, Selenium, Cu, Fe, Zn, Mn, Ca, I, Co, Sodium carbonate monobasic	Bao	1; 25kg	Phòng, trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng, giúp cơ thể cân bằng điện giải, tăng cường sức đề kháng	CALIER-15
13	Caliermutin 10% premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Bao	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo	CALIER-16
14	Niglumine	Flunixin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm kết hợp với bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với sự biến đổi của cơ xương, trị MMA trên bò, ngựa, heo	CALIER-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	Zoobiotic 5% premix	Amoxicillin	Túi, Bao	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị nhiễm trùng do Streptococcus suis gây ra trên heo sau cai sữa	CALIER-19
16	Zoobiotic	Amoxicillin	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	CALIER-21

10. Công ty S.H.Iberica S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Robenin 60	Robenidine HCL	Bao	25kg	Phòng ngừa bệnh cầu trùng trên thỏ và gà thịt	PHIS-1

11. Công ty Divasa Farmavic

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrovet 10%	Enrofloxacin	Chai	1; 5 lít	Trị nhiễm trùng do H.paragallinarum, Pasteurella, E.coli, Salmanella, Staphylococcus, Erysipelothrix rhusiopathiae trên gia cầm	Diva-1
2	Doxivet 10	Doxycycline (hyclate), Bromhexine	Chai	1; 5 lít	Trị CRD, viêm phổi, tiêu chảy trên bò, lợn, gia cầm	Diva-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Nixyvet	Flunixin	Chai	50; 100ml	Kháng viêm trên bò, ngựa, heo	Diva-3
4	Suacron®	Carazolol	Chai	100ml	Trị rối loạn tăng trường, chuyển hóa, tuần hoàn do stress gây ra trên heo	Diva-4
5	Doxivet 20	Doxycycline (hyclate)	Chai	1; 5 lít	Trị bệnh do E.coli, CRD, Mycoplasma. Pasteurella, Bordetella trên heo, gà	Diva-5
6	Polivit B Complex	Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Nicotinamide, Ca	Chai	1 lít	Bổ sung vitamin vào khẩu phần ăn hàng ngày cho gia cầm, gia súc, heo, ngựa, cừu và dê	Diva-6
7	Polivit Aminocidos Liquido	Protein thực vật, Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Nicotinamide, Ca	Chai	1; 5 lít	Bổ sung vitamin và amino acid thiết yếu vào khẩu phần ăn hàng ngày cho gia cầm, gia súc, thỏ, heo, cừu và dê	Diva-7
8	Vigorol	Dầu dừa, dầu đậu nành, Vitamin A, D_3, E	Chai	250ml	Dùng cho heo con ốm yếu, có cân nặng dưới 1kg; Heo con bị giảm đường huyết	Diva-8

THAILAND

1. Công ty Ajinomoto

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	L-Lysine Monohydrochloride	L-Lysine Monohydrochloride	Bao	25kg	Bổ sung axit amin	AJN-1

2. Công ty Better Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	ADEK 126 Solution	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, D-Pantothenate	Chai, bình	100; 500ml; 5 lít	Phòng thiếu Vitamin; tăng cường sức đề kháng; stress do sự thay đổi thời tiết đột ngột	BP-1
2	ADEK 126 Powder	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, Calcium, Nicotinic acid	Gói, thùng	20; 100g; 1; 15; 25kg	Phòng thiếu Vitamin; tăng cường sức đề kháng; stress do sự thay đổi thời tiết đột ngột	BP-2
3	Betafac-Egg	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinic acid, Cu, Fe, I, Mg, Zn, Co, Ca	Gói, bao	1; 10; 20; 30; 50lb	Giúp cân bằng các chất dinh dưỡng có trong thức ăn ở thời kỳ đẻ trứng, tăng năng suất trứng	BP-3
4	Bio+B_{12}	Erythromycin, vitamin B_{12}	Gói, bao	20g; 1/4lb; 1; 5; 50lb	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi Mycoplasma, vi khuẩn Gr($^+$)và Gr($^-$)	BP-5
5	Betamycin	Chlotetracyclin, vitamin A, B_{12}	Gói, bao	20g; 1/4lb; 1; 5; 50lb	Phòng ngừa và điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp,đường tiêu hóa, bệnh cúm và CRD	BP-6
6	Ditrim Oral suspension	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị E.Coli, Corynebacterium, phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn	BP-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
					đường hô hấp và đường tiêu hóa trên heo và gia cầm	
7	Losin-S	Tylosin, Sulfamethazine	Gói	25; 100; 500g; 10; 20; 50lb	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn đường ruột và đường hô hấp trên heo và gia cầm: tiêu chảy, E.coli, bệnh thương hàn; viêm phổi,...	BP-8
8	Sultrim	Trimethoprim, Sulfaquinoxaline	Gói, bao	10; 20; 100g; 1/4;11b; 1; 2; 5; 10;15;20; 30; 50kg	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa: tiêu chảy do E.coli, bệnh thương hàn	BP-10
9	Vermisole 50	Oxibendazole	Gói, hộp	15; 30; 100; 800g; 1; 15kg	Điều trị các loài giun ký sinh trên heo, trâu, bò, dê, ngựa, cừu và gia cầm như: giun dạ dày, giun đũa, giun kim, giun kết hạt, tiêu diệt trứng và ấu trùng xâm nhập vào gan và phổi	BP-11
10	Biolyte	Sodium chloride, Postasium chloride	Gói, thùng	100; 1; 15; 25kg	Phòng trị mất nước và chất điện giải do bị bệnh tiêu chảy kéo dài, phòng chống stress do thời tiết thay đổi, do vận chuyển... hỗ trợ cho việc điều trị bệnh tiêu chảy	BP-12
11	Betafac 5A	Chlotetracycline, vitamin B_1, B_6, B_{12}	Gói, bao	1/2; 1; 20lb	Kích thích tăng trọng, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng năng suất	BP-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
					trứng trên gia cầm đẻ. Giảm stress do thay đổi đột ngột hay do vận chuyển	
12	Wormer-B	Piperazine citrate	Gói	10; 50; 1000g	Trị giun ký sinh trên gia cầm, heo và ngựa	BP-14
13	Sulfamet 12,5%	Sulfâmethzine	Chai, bình	500ml; 4oz; 16oz; 1 gallon; 20 lít	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn G^+ và G^-, trên gia cầm	BP-15
14	Actmix Pig Grower	Vitamin, khoáng	Bao, gói	250; 500; 1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị bệnh thiếu viatmin và khoáng chất cần thiết	BP-16
15	Actmix Pig Finisher	Vitamin, khoáng	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin và khoáng chất cần thiết	BP-17
16	Actmix Layer	Vitamin, khoáng	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Phòng, trị bệnh thiếu vitamin và khoáng chất cần thiết	BP-18
17	Betacod	Vitamin A, D_3	Bao, gói	1; 5; 10; 20; 50lb	Bổ sung Vitamin A và D_3, kích thích tăng trọng và phòng bệnh do thiếu Vitamin	BP-19
18	Oxta 50	Oxytetracycline	Bao, gói	1; 5; 25; 50kg	Kích thích tăng trọng cho heo, gà, vịt, cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	BP-20
19	Beta 50	Chlotetracycline	Bao, gói	1; 5; 10; 20; 50lb; 1; 5kg	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa gây ra bởi vi khuẩn Gr(+) & Gr(-)	BP-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Vermisole 150	Oxybendazole	Bao, gói	15; 30; 100; 800g; 1; 5kg	Diệt các loài giun ký sinh trên heo, trâu, bò, cừu và gia cầm, các loài giun ký sinh trên heo, trâu, bò, dê, ngựa, cừu và gia cầm	BP-22
21	Besinor	Norfloxacine	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít; 1 gallon	Phòng điều trị bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn Gr(+) và Gr (-), bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi Mycoplasma (C.R.D), bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli	BP-24
22	Farminth	Piperazine citrate	Gói	10; 30; 100g; 1lb	Diệt giun đũa và giun kết hạt	BP-25
23	Losin Soluble Powder	Tylosin tartrate	Hộp, bao	120g; 1,2kg; 12; 30; 60kg	Phòng và điều trị bệnh đường hô hấp do Mycoplasma gây ra, viêm phổi	BP-26
24	BP 920 Broiler	Vitamin, khoáng	Gói, bao	1; 5; 10; 20kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gà thịt	BP-28
25	Doxcine Water Soluble Powder	Doxycycline	Gói, bao	20; 100; 500g; 1kg; 15; 20kg	Phòng và trị nhiễm các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	BP-29
26	Mycofloxacine 100	Enrofloxacin	Chai, thùng	100; 500ml; 1 lít; 5; 20 lít	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr(+), Gr(-) và Mycoplasma	BP-30
27	Betalin 10%	Tiamulin hydrogen	Gói, bao	10; 25; 50; 100; 500g; 1kg; 10; 15; 25kg	Trị bệnh CRD, dấu son, hồng ly, sưng phổi	BP-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
28	Cobactin 6%	Colistin	Gói, Thùng	100g; 1; 10; 20kg 25kg	Trị các bệnh dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra	BP-32
29	Lincomed 10	Licomycin	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 15; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	BP-33
30	Fenbenzil	Fenbendazole	Gói, bao, thùng	25; 100; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị các loại giun ký sinh trên lợn	BP-35
31	Cobactin 40%	Colistin sulfate	Gói, bao, thùng	100; 500g; 1; 10; 15; 20; 25kg	Trị các bệnh ở dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên bò, lợn, gia cầm	BP-36
32	Tenamoxcin 500	Amoxicillin trihydrate	Gói, Túi	1; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên lợn	BP-37

3. Công ty Thai Meiji Pharmacetical Co., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colimeiji 10%	Colistin sulphate	Bao	20kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-3
2	Colimeiji 2%	Colistin sulphate	Bao	20kg	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-4
3	Colimeiji 400	Colistin sulphate	Thùng	150, 300, 450 Bou	Điều trị các bệnh tiêu chảy ở heo	MJT-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Kanamycin Inj Meiji 250	Kanamycin Sulfate	Lọ	20, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, viêm vú trên bò, ngựa, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-6
5	Meikamycin Inj	Kanamycin Sulfate	Lọ	20, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, tiêu chảy, viêm vú trên bò, ngựa, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-7
6	Gentamicin Inj Meiji 40	Gentamicin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, dạ dày trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-8
7	Gentamicin Inj Meiji 80	Gentamicin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, dạ dày trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó mèo, gia cầm	MJT-9

4. Công ty Thai P.D Chemicals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octacin-En 1% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-1
2	Octacin-En 10% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Proguard 1% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-4
4	Proguard 10% (Oral)	Enrofloxacin	Lọ	100ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-6
5	Kana Solution	Kanamycin sulfate	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra trên trâu, bò, lợn	THAI-7
6	Kisa S.P	Kitasamycin tatrate	Chai	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Kitasamycin gây ra trên lợn, gia cầm	THAI-8
7	Octamix Amox 200	Amoxicillin Trihydrate	Túi	100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn E.coli nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên lợn con, bê	THAI-9

5. Công ty Interthai Pharmaceutical Manufacturing

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octacin-En 5% Inj	Enrofloxacin	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-2
2	Proguard 5% Inj	Enrofloxacin	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra	THAI-5

6. Công ty Macrophar

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octamix A.C.	Colistin, Amoxicillin	Gói	100; 500g	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+) gây ra	MCP-1
2	Curazole	Levamizole, Silicon dioxide, Vanillin	Túi	7,5; 100; 500g	Trị giun tròn và giun phổi đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	MCP-2
3	Vet-Moxcol	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MCP-3
4	Amoxilis	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MCP-4
5	Surmox-Col forte	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, heo	MCP-5
6	Timulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao, gói	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn, gia cầm	MCP-6
7	Mac-coli 40%	Colistin sulfate	Bao, gói	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MCP-7
8	Bactamox 50%	Amoxicillin trihydrate	Bao, gói	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MCP-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Amoxicillin 80%	Amoxicillin Trihydrate	Gói	100; 200g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên lợn, gà	MCP-9
10	Timulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao, gói	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn, gia cầm	MCP-6
11	Macro- Mox forte	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, Hộp	100; 500g; 1; 2; 2,5; 5; 10; 15; 20 kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm dạ dày ruột trên lợn, gia cầm	MCP-10
12	Mac-Colmox	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, Hộp	100; 500g; 1; 2; 2,5; 5; 10; 15; 20 kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm dạ dày ruột trên lợn, gia cầm	MCP-11
13	Zuzil 2.5%	Toltrazuril	Chai	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị cầu trùng trên gà	MCP-12

7. Công ty Olic

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Panacur Powder 25%	Fenbendazole	Thùng	10kg	Trị các loại giun tròn, giun phổi, giun dẹp, sán dây	OLIC-01

8. Công ty Polipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enro-100	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra	PLPT-01

9. Công ty T.P. Drug Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Gentamicin Sulphate Inj	Gentamicin sulphate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm phế quản, viêm túi khí, đặc biệt là bệnh nhiễm khuẩn E.coli CRD; viêm ruột, phân trắng ở gà	TPDT-1
2	Gentamicin Sulphate	Gentamicin sulphate	Chai	20; 50; 100ml	Trị các bệnh do các vi khuẩn G^+ và G^- như: E.coli, Klebsiella, Proteus, Salmonella, Shigella gây ra	TPDT-2
3	Lovasol	Levamisole	Chai	20; 50; 100ml	Thuốc tẩy giun tròn, giun phổi, giun dạ dày, giun kim, giun kết hạt và giun đũa ở heo, bò, trâu, dê, cừu và chó; giun thận ở heo; giun tim ở chó	TPDT-3
4	Ferron	Iron (Fe^{3+})	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu khoáng chất sắt ở heo con, trâu, bò con và các loài vật nuôi khác	TPDT-4

10. Công ty Wellab International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Corysol -240	Erythromycin, Chlotetracyclin	Gói	100g	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa ở gà, lợn	WELL-1
2	Methozine 480	Sulphadizine, Trimethoprim	Gói	100g	Điều trị các bệnh đường hô hấp; bệnh do Salmonella; haemophilus gây ra	WELL-2
3	Bioquin	Trimethoprim. Suphaquinoxaline	Gói	100g	Điều trị các bệnh THT, E.coli,...	WELL-3

11. Công ty Bangkok Lab And Cosmetic Co, LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Toltraril 2,5%	Toltrazuril, Diethanolamine	Chai	100ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà, vịt, ngỗng	BAC-1
2	Wormecide oral suspension	Albendazole, Magnesium aluminium sillicate, Carboxymethylcellulose sodium	Chai	200ml; 1l	Tẩy giun, sán trên bò, dê, lợn	BAC-2
3	Toltraril - S 5%	Toltrazuril	Chai	100ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên heo con	BAC-3
4	Octa-Sulprim	Trimethoprim, Sulphadiazine	Chai	200ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn gây ra	OMT-01

12. Công ty Thai Progress Feed

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Octamix Mineral Compound	Sodium, Magnesium, Potassium, Zinc, Panthenic acid, Nicotinic acid	Gói	100; 500g	Bổ sung các chất điện giải	TPF-01
2	Octamix Vitamin Compound	Vitamin A, C, D, E, K, B1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinic acid, Folic acid	Gói	100; 500g	Bổ sung vitamin	TPF-02

13. Công ty Thainaoka Pharmaceutical Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Naodex-100	Iron (Iron III Dextran)	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt ở heo	BTP-1
2	Tionaolin 200	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn ở lợn	BTP-2
3	Ampitin	Ampicillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục và nhiễm trùng huyết do vi sinh vật mẫn cảm với ampicillin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, ngựa	BTP-3
4	Hitagen	Gentamicin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa ở trâu, bò, heo, chó và mèo	BTP-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Novalcin	Dipyrone	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Giảm đau trên trâu, bò, lợn, ngựa	BTP-5
6	Kanaject	Kanamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khí quản, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	BTP-6
7	Mycocin 100	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm teo mũi và nhiễm trùng đường hô hấp ở trâu, bò và heo	BTP-7
8	Hitamox LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục ở heo, trâu, bò, cừu	BTP-8
9	Idectin	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng ở heo, trâu, bò, cừu, ngựa	BTP-9
10	Lincoject	Lincomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên bê, nghé, cừu, heo	BTP-10
11	Linfamix	Lincomycin HCl	Túi, Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị suyễn, lỵ trên lợn	BTP-11
12	Nao-Spectin premix	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Túi, Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị lỵ, bệnh đường ruột trên lợn	BTP-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
13	Colimed	Colistin sulfate	Túi, Bao	100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên lợn, gà, vịt	BTP-13
14	Tiam premix	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Túi, Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ do trên lợn	BTP-14
15	Co-Linospec	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, lỵ, viêm ruột, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo	BTP-15
16	Devectin premix	Ivermectin	Túi, Bao	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	BTP-16
17	Naomox LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, heo, cừu	BTP-17
18	Amlistin	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục, viêm vú trên trâu, bò, heo	BTP-18
19	Naocline LA	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, heo	BTP-19
20	Naospectin	Lincomycin, Spectinomycin	Túi, Hộp	100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25 kg	Trị viêm ruột trên lợn; CRD, nhiễm trùng trên gia cầm	BTP-20

14. Công ty Animal Supplements

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Resplex	Tilmicosin phosphate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên heo	ASC-1
2	Aslincocin	Lincomycin HCl	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên heo	ASC-2
3	Astimulin	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, hồng lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin trên heo	ASC-3
4	Ascotil	Tilmicosin phosphate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2;10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên heo	ASC-4
5	Aslinmycin	Lincomycin HCl	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên heo	ASC-5
6	Resmulin	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, hồng lỵ do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên heo	ASC-6
7	Asfadizine	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, bao	100; 200g; 1; 2; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên heo, gia cầm	ASC-7

15. Công ty General Drugs House

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dizine	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 200ml; 1L	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprim	GDH-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Quino-100	Enrofloxacin	Chai	100ml và 1L	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram âm, Gram dương và Mycoplasma gây ra	GDH-2
3	Quinnex	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi	100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprim gây ra	GDH-3
4	Amcolin-P	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	100, 500 gam	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin, Colistin trên bê, nghé, lợn, gia cầm	GDH-4
5	Moxcolis	Amoxicillin, Colistin sulfate	Gói, Bao	100; 500; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, đường hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, gia cầm	GDH-5

16. Công ty NutriChems

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enrotyl-100	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1 lít; 1,5 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm nhạy cảm với Enrofloxacin trên gia cầm	NCT-3
2	Mybaflox	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml; 1; 1,5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	NCT-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Doxycin	Doxycycline hyclate	Bao, gói, xô	50; 100 g 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bò, lợn, gia cầm	NCT-5
4	Colistin-SP 100	Colistin sulfate	Gói, bao, xô	50; 100; 200g; 1; 10; 15; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với colistin gây ra trên lợn, gia cầm	NCT-6

17. Công ty Nova Medicine

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Mutalin 10% premix	Tiamulin	Bao	1; 5; 10kg	Trị hồng lỵ và hô hấp trên lợn	NMC-1
2	Mutalin 20% Injection	Tiamulin	Lọ	100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, viêm khớp và hô hấp trên lợn	NMC-2
3	Novamoxine 500F	Amoxicillin trihydrate	Bao	100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuận nhạy cảm với Amoxicillin trên lợn, gà	NMC-3
4	Novafos	Butafosfan, 12	Lọ	100ml; 250ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ	NMC-4
5	Lincospecs	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	100ml; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin trên bê, nghé, lợn	NMC-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Novamoxin 20%	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250 ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu, bò, lợn	NMC-6
7	Novamoxine 15%	Amoxicillin trihydrate	Chai	100; 250 ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên trâu bò, lợn, chó, mèo	NMC-7
8	Ivermectin 1%	Ivermectin	Chai	100; 250 ml	Trị bệnh do ký sinh trùng gây ra trên bò, lợn	NMC-8
9	Tonamic	Tolfenamic acid	Chai	100; 250 ml	Kháng viêm, giảm đau, giảm sốt. Hỗ trợ trong điều trị viêm vú cấp tính, Metritis	NMC-9
10	Novapenstrep	Penicilline, Streptomycine	Chai	100; 250 ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Pencilline, Streptomycine trên bê, bò, dê, cừu, lợn	NMC-10
11	Novamoxine 800	Amoxicilline trihydrate	Túi	500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn	NMC-11

18. Công ty L.B.S Laboratory Ltd., Part

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrocin 10% Solution	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	LBS-2
2	Enrocin 20% Solution	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	LBS-3

19. Công ty Pharmatech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ozuril-5	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml; 1; 2; 3l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con	PHT-1

THỤY ĐIỂN

1. Công ty DR Tezza S.R.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ascarex D	Piperazin HCL	Thùng	25kg	Trị ký sinh trùng, các loại giun tròn	AZN-01

THỤY SỸ (SWISS)

1. Công ty Finalor AG

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Ascorbic Acid	Vitramin C	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-1

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
2	Carophyll Red	Cantaxanthin	Túi, hộp	5 - 20 Kg	Cung cấp sắc tố màu đỏ cho gia cầm	Pháp	HLR-3
3	Carophyll Yellow	Apo-Ester	Túi, hộp	5 - 20 Kg	Cung cấp sắc tố màu vàng cho gia cầm	Pháp	HLR-4
4	K3 Stab Feed Grade	Vitamin K_3	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin K_3 cho gia súc, gia cầm	Ý	HLR-5
5	Menadione Sodium Bisulfite Feed Grade	Vitamin K_3	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin K_3 cho gia súc, gia cầm	Ý	HLR-6
6	Pyridoxine Hydrochloride	Vitamin B_6	Túi, hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin B_6 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-7
7	Rovimix C-EC	Vitamin C	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-12
8	Rovimix A-500	Vitamin A	Túi, hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin A cho gia súc, gia cầm	Thụy Sỹ	HLR-17
9	Rovimix AD3500/100	Vitamin A và D	Túi, hộp	20 Kg	Cung cấp Vit A, D cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-19
10	Rovimix B_1	Vitamin B_1	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin B_1 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-20
11	Rovimix B_2 80 SD	Vitamin B_2	Túi, hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin B_2 cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-21

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
12	Rovimix B_6	Vitamin B_6	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin B_6 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-22
13	Rovimix Beta-Carotene 10%	Beta-carotene	Túi, hộp	5 Kg	Cung cấp beta-carotene cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-23
14	Rovimix Calpan	Pantothenates	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Pantothenic acid cho gia súc, gia cầm	Anh	HLR-24
15	Rovimix D_3-500	Vitamin D	Túi, hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin D cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-25
16	Rovimix E-50 Adsorbate	Vitamin E	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin E cho gia súc, gia cầm	Thụy Sỹ	HLR-26
17	Rovimix E-50 SD	Vitamin E	Túi, hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin E cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-27
18	Rovimix Folic 80 SD	Folic acid	Túi, hộp	1 - 20 kg	Cung cấp Folic acid cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-28
19	Rovimix H-2	Biotin	Túi, hộp	5 - 20 Kg	Cung cấp Biotin cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-29
20	Rovimix Niacin	Vitamin PP	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin PP cho gia súc, gia cầm	Thụy Sỹ	HLR-30
21	Rovimix Stay-C 35	Vitamin C	Túi, hộp	25 Kg	Cung cấp Vitamin C cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-31

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
22	Thiamine Hydrochloride	Vitamin B_1	Túi, Hộp	20 Kg	Cung cấp Vitamin B_1 cho gia súc, gia cầm	Đức	HLR-32
23	Vitamin B_{12} 1% Feed Grade	Vitamin B_{12}	Túi, Hộp	5 Kg	Cung cấp Vitamin B_{12} cho gia súc, gia cầm	Pháp	HLR-33

2. Công ty Novartis Consulting AG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Econor 1%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-1
2	Econor 10%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-2
3	Econor 50%	Valnemulin	Bao, gói	100, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	NVT-3
4	Dynamutilin injection 20%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị viêm phổi, bệnh lỵ, Leptospirosis trên heo	NVT-8
5	Tiotilin 10% injection	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị viêm phổi, bệnh lỵ, Leptospirosis trên heo	NVT-9
6	Roxolin	Halquinol	Gói, thùng	100g; 1; 10; 20; 25 kg	Trị tiêu chảy trên heo, gia cầm	NVT-10
7	Dynamutilin 10% Coated	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao, Thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40; 50kg	Trị lỵ, viêm phổi trên heo	NVT-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Dynamutilin 10% Oil injection	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100ml	Trị ly, viêm phổi, viêm khớp trên heo	NVT-12
9	Aquacil	Amoxicillin trihydrate	Gói, Bao, Thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40kg	Trị nhiễm khuẩn trên heo	NVT-13
10	Dynamutilin feed premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, Bao, Thùng	100; 500g; 1; 10; 25; 30; 40; 50kg	Trị ly, viêm phổi trên heo	NVT-14
11	Lopatol 100	Nitroscanate	Hộp	10 viên	Trị giun chó, mèo	CGN-01
12	Lopatol 500	Nitroscanate	Hộp	4 viên	Trị giun chó, mèo	CGN-02
13	ESB 3	Sulfaclozine sodium	Bột	20, 250, 500g; 25, 50kg	Trị bệnh cầu trùng, thương hàn	CGN-06
14	Fasinex 900	Triclabendazole	Hộp	25, 30, 40, 50, 80 viên	Trị sán lá gan	CGN-09
15	Fasinex 10%	Triclabendazole	Lọ	100ml	Trị sán lá gan	CGN-10
16	Cosumix Plus	Sulfachloropyridazine Sodium	Bao, gói	20, 250, 500g; 1; 25; 50kg	Trị bệnh tụ huyết trùng và thương hàn	CGN-11
17	Tiamutin 10%premix	Tiamulin	Bao, gói	100g, 500g & 1kg	Trị bệnh hô hấp	CGN-18
18	Neocidol - 250 EC	Diazinon	Lọ	1 lít	Trị ngoại KST	CGN-20
19	Quixalud 60%	Halquinol	Bao, gói	100g; 1, 10, 25, 50kg	Ức chế vi khuẩn, gây tiêu chảy	CGN-21
20	Tiamutin 10% Inj	Tiamulin	Chích	Lọ: 100ml	Trị bệnh đường hô hấp cho heo	SD-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21	Tetramutin	Tiamulin, Chlortetracyline	Bao, gói	1kg, 3kg, 25kg, 30kg, 50kg	Trị bệnh hô hấp cho heo, gà	SD-4
22	Tiamutin 45%	Tiamulin	Bao, gói	10g, 20g, 100g, 25kg	CRD trị bệnh hô hấp mãn tính	SD-5
23	Tiamutin 80% Coated (Denagard 80% Coated)	Tiamulin	Bao, gói thùng	100g, 25g, 30g, 25; 30; 50kg	Trị bệnh hô hấp cho heo	SD-6

TURKEY

1. Công ty Provet Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxycol	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(+) và Gram(-) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PVP-1
2	Penstrep-C	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycin sulfate, Chlopheniramin maleale	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicilin và streptomycin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PVP-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Enroxil	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị E.coli, thương hàn, Mycoplasma spp, pneumonia spp trên trâu, bò, lợn	PVP-3
4	Amoxycure-LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(+) và Gram(-) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PVP-4
5	Tetraplex LA	Oxytetracycline	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu, mô mềm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	PVP-5
6	Amoxlav	Amoxicilin trihydrate, Clavulanic acid	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiết niệu, sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, bê, chó, mèo, lợn	PVP-6
7	Cefcloren	Ceftiofur HCl	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, cừu	PVP-7
8	Doxymix	Doxycycline mono hydrate	Chai, Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin gây ra trên trâu bò, lợn	PVP-8
9	Tilmicos	Tilmicosin phosphate	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó	PVP-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Enroxil	Enrofloxacin	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, gia cầm	PVP-10
11	Ferdex B_{12}	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Chai	20; 50; 100ml	Phòng trị thiếu máu trên gia súc non	PVP-11
12	Doksilin - LA	Doxycycline mono hydrate	Chai, bình	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với doxycyclin gây ra trên trâu, bò, lợn	PVP-12
13	Doxymix WSP 50%	Doxycycline	Gói, Bao	100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm	PVP-13
14	Vitaljek-AD_3E + BC	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_3, B_6, B_{12}, C, PP	Chai	20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamine, hỗ trợ điều trị bệnh truyền nhiễm, tình trạng stress. Rối loạn tăng trưởng, rối loạn sinh sản, bệnh thiếu máu, giai đoạn hồi phục sau khi bệnh	PVP-14
15	Tylocure	Tylosin	Chai	20; 50; 100; 250 ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu - sinh dục, viêm tai, viêm mô dưới da, chống phụ nhiễm kế phát do vi trùng trong những bệnh do virus, nhiễm trùng hậu phẫu trên trâu, bò, heo	PVP-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Mectizan-LA	Ivermectin	Chai	20; 50; 100; 250 ml	Trị nội ngoại ký sinh trên trâu, bò, cừu, dê, heo	PVP-16
17	Clavon SD	Amoxicillin Clavulanic acid	Ống bơm	10; 20 ml	Trị viêm vú trên bò sữa do Staphylococci, Streptococci, Arca- -nobacteria, E. coli, Bacteroides, Bacillus cereus, Campylobacter, Klebsiella, Pasteurella	PVP-17
18	Viocid-Oxy	Oxytetracycline, Vitamin A, Zine oxide	Bình xịt	100; 200 ml	Trị vết thương ngoài da, móng khớp trên gia súc, gia cầm	PVP-18

CHINA

1. Công ty Fuzhou Fuxin Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Kanamycin sulfate BP98 (Kanamycin Mono sulfate BP98)	Kanamycin sulfate	Thùng	15; 25bou/kb	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	FFPC-01

2. Công ty Zhejiang Nhu

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin D_3	Vitamin D_3 Powder 500.000IU/g Min	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin D_3	ZN-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Vitamin A/D_3	Vitamin A, D_3	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin A, D_3	ZN-02
3	Biotin 2% Min	Vitamin H	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin H	ZN-03
4	Vitamin A	Vitamin A Powder 500.000IU/g Min	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin A	ZN-04
5	Vitamin E	Vitamin E Powder 50%Min	Thùng	25kg	Bổ sung Vitamin E	ZN-05

3. Công ty Zhumadian Huazhong Chia Tai Co.,

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Chlortetracycline feed grade(CTC.F.G) 15% Powder	Chlortetracycline	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Chlortetracycline gây ra trên heo, cừu non, gia cầm	ZCT-1
2	Chlortetracycline feed grade(CTC.F.G) 15% Granular	Chlortetracycline	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Chlortetracycline gây ra trên heo, cừu non, gia cầm	ZCT-2

4. Công ty Zhanjiang Baoshenghuang Pharmaceutical Co., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin tartrat 98%	Tylosin tartrat	Lọ	1g	Tác dụng mạnh đối với các vi khuẩn gram (-), gram(+)	ZBP-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Streptomycin Sulphate	Streptomycin	Lọ	1,3g (1.000.000 IU)	Trị viêm phổi, viêm họng, viêm phế quản, xuyễn, viêm da dày viêm ruột do vi khuẩn, viêm hệ thống đường hô hấp của gia cầm, viêm đường tiết niệu, viêm tuyến sữa	ZBP-2
3	Benzil Penicillin potassium	Benzil Penicillin	Lọ	1.000.000 IU	Trị các bệnh do vi khuẩn gây ra	ZBP-3
4	Enrofloxacin 5% LA	Enrofloxacin	Lọ	50; 100ml	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, pasteurella. Mycoplasma, khuẩn gây mủ xanh	ZBP-4
5	Enrofloxacin 10% LA	Enrofloxacin	Lọ	50; 100ml	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, pasteurella. Mycoplasma, khuẩn gây mủ xanh	ZBP-5

5. Công ty Hebei Yuanzheng Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Yzoxytetra 20%	Oxytetracyclin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gr(-), gr (+) gây ra ở đường tiêu hóa, hô hấp, bại huyết, viêm vú, đường niệu dục	HYP-1
2	Analgin 500	Metamizol	Ống, Chai	2; 10; 50; 100 ml	Giảm đau, hạ sốt	HYP-2
3	Gentamycin 10% Inj	Gentamycin sulphate	Chai	10, 20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, da, tiết niệu - sinh dục, viêm dạ dày - ruột	HYP-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Terra 20% L.A	Oxytetracycline	Chai	10, 20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, da, tiết niệu - sinh dục, viêm dạ dày - ruột	HYP-4
5	Flor Max 30%	Florfenicol	Chai	10, 20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trâu, bò, heo	HYP-5
6	Oxytetracycline 10% inj	Oxytetracycline (HCl)	Chai	10, 20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HYP-6
7	Pen Strep Inject	Penicillin G Procaine Dihydrostreptomycin Sulfate	Chai	10, 20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và Dihydrostreptomycin trên trâu bò, ngựa, lợn, lừa, cừu và dê	HYP-7
8	Gramovet 15% LA	Amoxicillin	Chai	10, 20, 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn trên ngựa, trâu bò, lợn, dê, cừu, chó mèo	HYP-8
9	Ivermectin 1% inj	Ivermectin	Chai	10, 20, 50; 100 ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, lợn	HYP-9

6. Công ty Zhejiang Hisun Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enradin F- 80	Enramycin	Bao	20kg	Chống lại sự phát triển của vi khuẩn đường ruột, trên gia cầm và heo	TKD- 1
2	Enradin F- 40	Enramycin	Bao	20kg	Chống lại sự phát triển của vi khuẩn đường ruột, trên gia cầm và heo	TKD- 2

7. Công ty Hebei Shengxue Dacheng Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Colistin sulfate	Colistin sulfate EP4	Bao	20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-)	HSD-1

8. Công ty Zhejiang Apeloa Kangyubio-pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin sulfate	Colistin sulfate EP4	Bao	20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-)	ZAK-1

9. Công ty Pucheng Lifecome Biochemistry

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Zambac MD 100	Bacitracin methylene disalicylate	Bao	25kg	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm	PLB-01
2	Chlortetracycline hydrochloride	Chlortetracycline HCl	Bao	25; 50kg	Kiểm soát và điều trị tăng sinh quá mức vi khuẩn gây hại đường ruột, phó thương hàn trên gà, thương hàn, viêm ruột trên heo	PLB-2

CHI LÊ

1. Công ty Laboratorio Centrovet LTDA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enromic 10%	Enrofloxacine	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản, phổi, viêm vú, viêm tử cung, cho trâu, bò, lợn, cừu, dê, chó, mèo	LACE-1
2	Supervitasol w.s.p	Vitamin A, C, D_3, E, B_1, B_2, B_3, B_5, B_6, B_{12}, K, Biotin, điện giải, Folic aid	Chai	20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các chứng thiếu vitamin	LACE-3

BULGARIA

1. Công ty Biovet J.S.C

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Thùng	5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột bệnh lỵ trên gia cầm, lợn	BB-1
2	Tiamulin HF	Tiamulin hydrogen fumarate	Thùng	5; 10; 25kg	Phòng và trị những bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra	BB-2
3	Rodotium 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	BB-3

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Rodotium 45%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, ly, viêm khớp trên lợn, gia cầm	BB-4
5	Rodotium 80%	Tiamulin hydrogen fumarate	Túi, Thùng	1; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa	BB-5
6	Flavomycin 40	Flavophospholipol	Bao	25kg	Cải thiện hệ vi sinh đường ruột, kích thích tăng trưởng trên gà, heo, trâu, bò	IT-97
7	Flavomycin 80	Flavophospholipol	Bao	25kg	Cải thiện hệ vi sinh đường ruột, kích thích tăng trưởng trên gà, heo, trâu, bò	IT-98
8	Salocin 120	Salinomycin	Bao	25kg	Tăng năng suất, tăng chuyển hóa thức ăn trên heo	IT-99
9	Sacox 120	Salinomycin	Bao	25kg	Phòng bệnh cầu trùng gà	IT-100

URUGUAY

1. Công ty Laboratorios Calier De Uruguay, SA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tickamit 12.5	Amitraz	Bình	10; 20; 50; 60; 100; 250; 500ml; 1; 1,6l	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê, cừu, heo	CALIER-22

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

MỤC LỤC

I. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	THÀNH PHỐ HÀ NỘI				
1	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)	88 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8696243 091.3210744	04.8691263
2	Công ty Cổ phần dược và vật tư thú y (HANVET)	88 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Hội	ducluu@netnam.vn	04.8691156	04.8690097
3	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)	Ngõ 2 - Cầu Tiên - Giáp Nhất - Thịnh Liệt - Thanh trì - Hà Nội	huphavet@hn.vnn.vn	04.8686633 04.8617456	
4	Công ty TNHH Dược thú y Thăng Long	11A ngõ 76 - Lạc Long Quân - quân Tây Hồ - Hà Nội		04.7530706	
5	Công ty TNHH Thuốc thú y (PHAVETCO)	128C Đại La - Đồng Tâm; Số 23, tổ 17, đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội		04.8696273 04.8626908	
6	Công ty TNHH thú y Việt Nam	129, đường Yên Lạc - Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội	ngtlananh@yahoo.com	04.9783274 04.6362977	
7	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)	Khu Công nghiệp Hà Bình Phương, H. Thường Tín, Hà Nội		04.8531458 091.3210744	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
8	Công ty TNHH Thú y xanh Việt Nam (Greenvet)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@fpt.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388
9	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ phát triển chăn nuôi	Thôn Đồng Trì - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội		04.8695108	
10	Công ty TNHH Thuốc Thú y Miền Bắc	Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội VP: Số 107 - A12 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8523616	
11	Công ty Cổ phần thuốc thú y Việt Anh	Cụm CN Liên Phương - Thương Tín - Hà Nội		04.6406213	
12	Công ty Cổ phần Hùng Nguyên	KCN Phùng Chí Kiên, H. Mỹ Hào, T. Hưng Yên		0321.3948032	
13	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường	VP: H10, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội. ĐCSX: Xóm 4, Giáp Tứ, Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.8694629	
14	Công ty TNHH Năm Thái	23 Quốc Bảo, thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội		04.8532543 090.3445644	04.8532543
15	Công ty Cổ phần Hải Nguyên	Thôn Chính Trung - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội			
16	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu dược thú y NASA	Tổ 20 Thịnh Liệt, Q.Hoàng Mai, Hà Nội		04.8695074	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
17	Xưởng Sản xuất thực nghiệm thuốc thú y - Viện Thú y	74-Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8691589	
18	Công ty Cổ phần thuốc thú y Đức Hạnh (Marphavet)	Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội			
19	Cty Cổ phần Provet Việt Nam	KCN Trưng Trắc, H. Văn Lâm, Hưng Yên			
20	Công ty Cổ phần Dược phẩm xanh Việt Nam (Greenpharma)	Khu Công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội	phuthaigroup@fpt.vn	04.8562175 091.3233703	04.5142388
21	Công ty TNHH Vương Việt Anh	142 Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.6642908	
22	Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (Pharmavet Co)	Lô 28, Khu công nghiệp Quang Minh, H. Mê Linh, Hà Nội		091.3597222 091.3555166	04.6610747
23	Xí nghiệp thuốc thú y trung ương	Thị trấn Phùng - Hoài Đức - Hà Nội		034.861337	034.861799
24	Công ty Phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội	rtd-utad@fpt.vn	04.8686154 091.3227058	
25	Công ty Cổ phần Sóng Hồng	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội		04.8685558 091.3228571	
26	Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội			

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
27	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Thú y (BTV)	Biên Giang - TX.Hà Đông, Hà Nội			
28	Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh	Cụm Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội		04.22811863	
	HƯNG YÊN				
29	Công ty TNHH Phát triển mạng lưới toàn Cầu Nam Dũng (Netde Co., Ltd)	Thôn Hành Lạc - Thị trấn Như Quỳnh - Huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên	namdung@fpt.vn	091.3222327	
	BẮC GIANG				
30	Công ty TNHH Yan Wen Qing, Bắc Giang	Việt tiến, H.Việt Yên - T.Bắc Giang			
	THÁI BÌNH				
31	Công ty TNHH Việt Trung	Khu III, TT. Hưng Hà, Thái Bình		01234733699	
	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG				
32	Công ty Cổ phần thuốc thú y TWI - Chi nhánh Đà Nẵng	35F Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng			
	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
33	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)	29 Nguyễn Đình Chiểu; số 5 Trần Cao Vân - Quận I - TP HCM	navetco@hcm.netnam.vn	08.8225063	08.8225060

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
34	Công ty LD Bio - Pharmachemie	2/3 Tăng Nhơn Phú, Phước Long B, Quận 9 - TP. HCM	biopharmachemie@hcm.vnn.vn	08.7313490 08.7313698	08.7313488
35	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Thuận Kiều	236A Lê văn Sĩ - quận Tân Bình - TP HCM	gammachem@hcm.vnn.vn	08.8440582 08.8445155	
36	Công ty Cổ phần Sài Gòn V.E.T	41A, Phước Long B - Quận 9 - TP HCM	saigonvet@gmx.net	08. 7313547 08. 7310239	08.7310704
37	Công ty TNHH Minh Huy	431/16A đường 26/3, Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP HCM	micronetvn@yahoo.com	08.8444834 0903817021	
38	Cơ sở Sản xuất Dược thú y Khoa Nguyên	5/22 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	veteject@hcm.vnn.vn	08.8425556	08. 8498550
39	Công ty TNHH sản xuất thương mại 533	29 Đào Cam Mộc - P4 - Q8 - TP. HCM		08.8503092	08.8505196
40	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Sài Gòn (Sonavet)	45/308D và 36/1G Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	sonavet@hcm.fpt.vn	08.9872697 08.9873617	08.9873618
41	Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung	105/130 2A đường Nguyễn Văn Lượng, Q. Gò vấp, TP HCM	letrung126f105@hcm.vnn.vn	08.8951565 08.8444677	
42	Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển - phường 2 - quận 8 - TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
43	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)	14G Phan Văn Trị - phường 7 - quận Gò Vấp - TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307	
44	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng	458 đường Cách mạng tháng Tám - phường 4 - quận Tân Bình - TP HCM	golden-bear@hcm.vnn.vn; khuungoc79@hotmail.com	08.8443278 0913805777	
45	Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân	15/5 Phạm Văn Hai, P1, Q. Tân Bình, TP HCM	sovavet@yahoo.com ahnni@pvthcm.org	08.8447269 08.8442422	08.8447269
46	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Anpha	7/3 Giãn Dân - Long Thạnh Mỹ-TP HCM	vuonglinhus@yahoo.com quanghuynet@yahoo.com	08.7330074	08.7330074
47	Công ty TNHH Quốc Minh	20/3 Tam Bình, KP8, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức - TP. HCM	quocminhcom@hcm.vnn.vn	08.72661443	08.7266799
48	Cty TNHH Thương mại & SX dinh dưỡng thú y Nam Long	TP. Hồ Chí Minh			
49	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519
50	Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thọ	260/40 Đường Nguyễn Thái Bình, P12, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	dntn_phuctho@yahoo.com	0903644488	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
51	Công ty TNHH Kinh doanh Thuốc Thú y Minh Ngân	33 B8 Điện Biên Phủ - Q. Bình Thạnh - TP. HCM	nghipm@hcm.fpt.vn	08.9967319	08.8223577
52	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Thịnh Phát	Ấp Cây Đa - xã Tân Phú Trung - huyện Củ Tri - TP. Hồ Chí Minh	thinhphatco@saigonnet.vn	08.8992621 08.790630	08.8405844
53	Công ty TNHH thuốc thú y quốc tế Đông Nghi (INVET)	14G Phan Văn Trị - Phường 7 - Quận Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	ngoc1234@hcm.vnn.vn; invet@hcm.vnn.vn	08. 8207994 08. 8207995	08.8207996
54	Công ty TNHH Kiến Vương	Lô 22, đường số 7, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh		08.37543624	
55	Cty TNHH thuốc thú y-Thủy Sản Hương Hoàng Nam	A9/54 Ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh			
	TỈNH BÌNH DƯƠNG				
56	Công ty Liên doanh TNHH Anova	36 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Bình Dương	anova.bio@hcm.vnn.vn	0650.782770	0650.782700
57	Công ty TNHH Bayer Việt Nam	Xã Uyên Hưng - huyện Tân Uyên - Bình Dương	bichnt@bayer.com.vn	08.7313424	08.8978840
58	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Minh Dũng	Khu phố Khánh Hội, TT. Tân Phước Khánh, H. Tân Uyên, T.Bình Dương	minhdungcom@hcm.vnn.vn trongthienpn@yahoo.com	0650.790847 0903708833	0650.790849

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
59	Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y SAPHA	134/46 Đông Hòa - Thuận An - Dĩ An - Bình Dương - TP HCM	safa@hcm.vnn.vn	0650.751403	0650.751063
	TỈNH TÂY NINH				
60	Công ty TNHH SX-TM A.S.T.A	Ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, H.Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh		08.38373372	08.38379660
	TỈNH ĐỒNG NAI				
61	Công ty TNHH PROMIVI Việt Nam	238 Quốc lộ 1A - Phường Tân Hiệp - TP.Biên Hòa - Đồng Nai	nutriway@hcm.vnn.vn	061.884304 061.881489	061.884304 0913851554
62	Công ty TNHH Virbac Việt Nam	Khu công nghiệp Song mây, xã Bắc sơn, Thống nhất, Đồng Nai	office@virbac.vnn.vn phuongthao@virbac.vnn.vn	08.8404629 091.3910101	08.8401260
	TỈNH LONG AN				
63	Công ty Dược phẩm thú y - Thủy sản Long An	15 Phan Đình Phùng - phường 12 - Tân An - Long An		072.829203 072.834803	
	TỈNH TIỀN GIANG				
64	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834	
	THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
65	Công TY SXKD Vật Tư và Thuốc thú y (VEMEDIM Cần Thơ)	Số 7 - đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	vemedim@hcm.vnn.vn vmd@@hcm.vnn.vn	071.820703 071.820704	071.825853 071.825177

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
66	Công Ty TNHH Thuốc thú y Cần Thơ (VETERCO)	Số 151/18 - Trần Hoàng Na - thành phố Cần Thơ	thanhphongg@yahoo.com	071.839766 091.3870031	071.831525
67	Công ty Thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)	108/46/6, đường 30/4 thành phố Cần Thơ	chaien223@yahoo.com	071.834713 071.834921	
68	Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại thuốc thú y 1/5	108/46/6D đường 30/4 - thành phố Cần thơ	haunp2002@yahoo.com	071.830385	
69	Công ty TNHH thuốc thú y 2-9	108/46/6B đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	nhhung566@yahoo.com	071.833063 091.3829740	
70	Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu (sản xuất thuốc thú y 3-2)	130 Quốc Lộ 1A - Phường Ba Láng - Quận Cái Răng - Cần Thơ		071.913347 091.3973043	
II	**DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI**				
1	Công ty TNHH TM thú y Tân Tiến	62/8-10-12 Bàu Cát - phường 13 - quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh		08.8493178	
2	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thiện Nguyễn	67/2 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	thng@hcm.netnam.vn	08.7173211 08.7173309	08.7173209
3	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển - phường 2 - quận 8 - TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035
4	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834 090.3817021	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
5	Cty Liên doanh Guyomarc'h - VCN	Chèm - Thụy Phương - Từ Liêm - Hà Nội			
6	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn	14G Phan Văn Trị - phường 7 - quận Gò Vấp, TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307	
7	Công ty Phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội	rtd-utad@fpt.vn	04.8686154 091.3227058	
8	Công ty TNHH Asialand Việt Nam	Số 24 đường 26, khu CN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương	asialandvn@asialandvn.com	0650728628	
9	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519

III. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	ENGLAND		
1	Công ty Anupco	AP-38	27
2	Công ty Tithebarn	TTUK-05	5
3	Công ty Eco Animal Health	ECO-07	7
4	Công ty Special T Product	SPT-8	8
5	Công ty Meriden Animal Health	MRD-03	2
	ARGENTINA		
6	Công ty Cevasa S.A	CEVA-27	27

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
7	Công ty Proagra S.A	PSA-4	3
8	Công ty Vetanco S.A	VTA-1	1
	INDIA		
9	Công ty Alembic Limited	ALBI-2	2
10	Công ty Arosol Chemical PVT	ARSI-5	5
11	Công ty Ayurvet Limited	DAL-6	6
12	Công ty Cipla Vetcare	CIPLA-33	31
13	Công ty RFCL Limited	RBXI-7	6
14	Công ty Vetoquinol India Animal Health Private Ltd	WVI-11	9
15	Công ty Tetragon Chemie PVT. Ltd	TẺTA-1	1
16	Công ty Ashish Life Science PVT. Ltd	ALS-2	2
	BELGIUM		
17	Công ty V.M.D.N.V	VMD-48	44
18	Công ty Kela Laboratoria N.V	KELA-8	8
19	Công ty Janssen Pharmaceutica N.V	JSPB-3	1
20	Công ty Taminco NV	UCB-5	2
21	Công ty Sanico NV	SNV-1	1
	BANGLADESH		
22	Công ty RENATA	RLB	9
	CANNADA		
23	Công ty RENATA	ITF-4	4
	EGYPT		
24	Công ty RENATA	ADWIA-6	3

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	HUNGARY		
25	Công ty Biogal Pharmaceutical Works LTD	BIOG-01	1
	IRELAND		
26	Công ty Franklin	FK-45	36
27	Công ty Norbrook	NBR-7	6
28	Công ty Univet	UNIVET-5	5
	SCOTLAND		
29	Công ty Kilco International	KILCO-6	1
	TAIWAN		
30	Công ty China Chemical & Pharmaceutical	CCP-4	1
31	Công ty Ruey Shyon Pharmaceutical	RSPT-8	7
32	Công ty Hung Chang Pharmaceutical Co., Ltd	HCP-7	7
33	Công ty Kashin Medicines Co., Ltd	KCPT-12	4
	GERMANY		
34	Công ty Bayer AG	BYA-24, BE-7 và BYVK-07	22
35	Công ty Bremer	BM-14	11
36	Công ty Basf Aktiengesellschaft	BASF-38	27
37	Công ty Degussa Huls AG	DGSG-4 và DAB-5	5
38	Công ty Lohmann Animal Health	LAH-09	9
39	Công ty Miavit_niemeyer GMBH & CO.KG	MVI-1	1
40	Công ty Rotex Medica GMBH	RTM-1	1
41	Công ty Kaimight Chemical And Pharmaceutical	KCPT-11	10

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	NEITHERLAND		
42	Công ty Akzonobel Chemicals B.V	ANC-3	3
43	Công ty Dutchfarm Veterinary Pharmaceuticals B.V	DUTCH-18	15
44	Công ty Eurovet Animal Health B.V	ERV-23	18
45	Công ty Intervet	IT-150	37
46	Công ty Intercheme Werken "De adelaar" B.V	ICW-53	46
47	Công ty Kepro B.V	KEPRO-16	16
48	Công ty Alfasan Internation B.V	AFSI-13	11
49	Công ty Polymix B.V	PLM-9	4
50	Công ty Franklin Products International	FKH-5	2
51	Công ty Vetimex Animal Health B.V	VTMH-1	1
52	Công ty Tesgofarm B.V	BMN-3	1
53	Công ty Pantex B.V	PH-7	7
	POLAND		
54	Công ty Vetoquinol-Biowet Pharmaceutical	BIOWET-4	4
	KOREA		
55	Công ty Choong Ang Biotech	CAC-25	19
56	Công ty Dae Sung Microbiological Labs.Co., Ltd	DAS-25	19
57	Công ty Eagle Chemical	EAG-25	16
58	Công ty Komipharm International Co., Ltd	KMB-26	19
59	Công ty Samyang Anipharm	SPC-31	21
60	Công ty Yoonee Chemical	YCK-4	2

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
61	Công ty Namjon	NJK-3	3
62	Công ty Shinil biogen Co., Ltd	SIL-27	22
63	Công ty Dea Han New Pharm	DHK-6	6
64	Công ty Green Gross Veterinary Products	GGVK-05	2
65	Công ty Samu Median	SAMU-10	7
66	Công ty Woogene B&G	WG-9	9
67	Công ty LG Life Sciences - Kofavet Special Inc	LGK-04	4
68	Công ty CTC Bio Inc	CTC-14	12
69	Công ty Daone Chemical	DOC-10	10
70	Công ty Dongbang	DOB-7	5
71	Công ty SF	SFK-1	1
72	Công ty Handong	HDK-3	3
	CZECH REPUBLIC		
73	Công ty Bioveta, A.S	BVTC-7	3
	INDONESIA		
74	Công ty P.T.Surya Hydup Satwa	SHS-03	1
75	Công ty P.T. Medion	MDI-58	34
	MALAYSIA		
76	Công ty Y.S.P Industries (M) SDN. BHD	YSPM-51	42
77	Công ty Phibro Animal Health	PBAM-04	4
78	Công ty Sunzen Corporation SDN BHD	SZS-5	5
79	Công ty Nova Lab SDN. BHD	NOVA-6	6

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	UNITED STATE OF AMERICA (USA)		
80	Công ty Archer Daniels Mildland (ADM)	ADM-3	3
81	Công ty Bioproducts-Inc	BPD-4	2
82	Công ty Elanco Animal Health	EC-24	23
83	Công ty International Nutrition	IN-43	24
84	Công ty Med Pharmex	MPM-4	4
85	Công ty Agripharm	RXV-8	5
86	Công ty Fort Dodge Animal Health	SAH-18, FDA-20, SVI-1	5
87	Công ty Alpharma	ALP-19	11
88	Công ty Pfizer	PFU-86	43
89	Công ty American Veterinary Laboratories Inc (A.V.L)	AVL-2	1
90	Công ty Nepera, Inc	NPRU-1	1
91	Công ty Western Yeast Company	WYU-1	1
92	Công ty Schering-Plough Animal Health Corporation	MKV-21	4
93	Công ty Ameco - Bios	ABU-4	1
	VENEZUELA		
94	Công ty Laboratorios Reveex De Venezuela C.A.	LRV-05	4
	JAPAN		
95	Công ty Asahi Vet Japan	ASA-3	3
96	Công ty Daiichi Fine Chemical Co., Ltd	FUJI-3	2
97	Công ty Meiji Seika Kaisha	MJ-2	2
98	Công ty Scientific Feed Laboratory	SS-5	2
99	Công ty Takeda Chemical Industries	TKD-3	1

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
100	Công ty Kohkin Chemical	KOC-1	1
101	Công ty Kaken Pharmaceutical Co., Ltd	KKP-1	1
102	Công ty Kuraray Co., Ltd	KRRJ-1	1
	NEW ZEALAND		
103	Công ty Bomac Laboratories	BLL-9	6
	AUSTRALIA		
104	Công ty Jurox Pty Limited	JPL-7	5
105	Công ty Troy Laboratories PTY	TROY-3	2
	FRANCE		
106	Công ty Doxal	DA-7	3
107	Công ty Guyomarc'h - VCN	GUY-4	3
108	Công ty Merial (Rhône Merlieux-Rhône Poulenc)	MRA-210	64
109	Công ty Noe Socopharm	NOEF-12	11
110	Công ty Cevasante Animale	SNF-81	19
111	Công ty Vetoquinol	VQ-35	26
112	Công ty Virbac	VB-63, AV-25	57
113	Công ty Adisseo	ADSF-90	28
114	Công ty Laboratories Biové	BIOVE-24	18
115	Công ty Evialis (Franvet)	FRAN-6	5
116	Công ty Laboratoire Biard	BA-19	11
117	Công ty Inouko Generics	ING	1
118	Công ty Coophavet	COO-1	1
119	Công ty Qalian	LFR-2	1

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	PAKISTAN		
120	Công ty Star Laboratories	SLP-8	8
	ITALY		
121	Công ty Ascor Chimici S.R.L (Italy)	ACC-6	5
122	Công ty Gelilini International S.R.L	GII-06	6
123	Công ty Sintofarm S.P.A	STFY-1	1
124	Công ty Chemifarm S.P.A	CSI-6	6
125	Công ty Industria Italiana Integratori Trei S.P.A	IIT-1	1
	SINGAPORE		
126	Công ty Diasham Resources PTE	DSRS-3	3
127	Công ty Zagro Singapore PTE	ZEL-22	16
	SPAIN		
128	Công ty Cenavisa S.A Laboratorios	CLS-10	9
129	Công ty Laboratories Hipra S.A	HP-46	18
130	Công ty S.P Veterinaria, S.A	SPV-31	26
131	Công ty Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticals	IQF-4	1
132	Công ty Tav Veterinaria S.L	TAV-15	8
133	Công ty Invesa international S.A	IIS-25	23
134	Công ty Mevet, S.A	MV-1	1
135	Công ty Laboratorios Syva S.A	SYVAS-11	11
136	Công ty Laboratorios Calier, S.A	CALIER-21	16
137	Công ty S.H.Iberica S.A	PHIS-1	1
138	Công ty Divasa Farmmavic	DIVA-8	8

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	THAILAND		
139	Công ty Ajinomoto	AJN-1	1
140	Công ty Better Phama	BP-37	32
141	Công ty Thai Meiji Pharmacetical Co., Ltd	MJT-9	7
142	Công ty thai P.D Chemicals	THAI-9	7
143	Công ty Interthai Pharmaceutical Manufacturing	THAI-5	2
144	Công ty Macrophar	MCP-12	13
145	Công ty Olic	OLIC-01	1
146	Công ty Polipharm	PLPT-01	1
147	Công ty T.P. Drug Laboratories	TPDT-4	4
148	Công ty Wellab International	WELL-3	3
149	Công ty Bangkok Lab And Cosmetic Co, Ltd	BAC-3	4
150	Công ty Thai Progress Feed	TPF-02	2
151	Công ty Thainaoka Pharmaceutical Ltd	BTP-20	10
152	Công ty Animal Supplements	ASC-7	7
153	Công ty General Drugs House Co, Ltd	GDH-4	5
154	Công ty Nutrichems	NCT-3	1
155	Công ty Nova Medicine	NMC-11	11
156	Công ty L.B.S Laboratory	LBS-3	2
157	Công ty Pharmatech	PHT-1	1
	THỤY ĐIỂN (SWITZERLAND)		
158	Công ty DR Tezza S.R.L	AZN-01	1

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	THỤY SỸ (SWISS)		
159	Công ty Finalor AG	HLR-33	23
160	Công ty Novartis Consulting AG	NVT-14; CGN-21; SD-6	23
	TURKEY		
161	Công ty Provet Veterinary Products	PVP-18	18
	CHINA		
162	Công ty Fuzhou Fuxin Pharmaceutical	FFPC-01	1
163	Công ty Zhejiang Nhu	ZN-5	5
164	Công ty Zhumadian Huazhong Chia Tai Co.,	ZCT-2	2
165	Công ty Zhanjian Baoshenguang Pharmaceutical Co., Ltd	ZBP-5	5
166	Công ty Hebei Yuanzheng Pharmaceutical Co., Ltd	HYP-9	9
167	Công ty Zhejiang Hisun Pharmaceutical Co., Ltd	TKD-2	2
168	Công ty Hebei Shengxue Dacheng Pharmaceutical Co., Ltd	HSD-1	1
169	Công ty Zhejiang Apeloa Kangyubio Pharmaceutical Co., Ltd	ZAK-1	1
170	Công ty Pucheng Lificome Biochemistry	PLB-2	2
	CHILÊ		
171	Công ty Laboratorio Centrovet LTDA	LACE-2	2
	BULGARIA		
172	Công ty Biovet J.S.C	BB-5	9
	URUGUAY		
173	Công ty Laboratorios Calier De Uruguay, SA	CALIER-22	1

(Xem tiếp Công báo số 275 + 276)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng